

# Phản biện Thành Tư Giai: Nhìn lại việc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ sang Trung Hoa triều cận và thuyết giả vương

Nguyễn Duy Chính<sup>a</sup>

## Tóm tắt:

Bài viết khảo cứu và phản biện học thuyết “giả vương” do PGS. Thành Tư Giai nêu ra, theo đó người sang Thanh dự lễ Bát tuần khánh thọ của vua Càn Long năm Canh Tuất không phải Quang Trung Nguyễn Huệ mà là một người đóng thế. Tác giả cho rằng lập luận của Thành Tư Giai dựa phần lớn vào tài liệu thứ cấp như *Đại Nam thực lục*, *Hoàng Lê nhất thống chí*... hay các ghi chép tản mạn mang tính truyền ngôn vốn chứa nhiều sai lệch, thiên lệch chính trị và tâm lý hậu triều Nguyễn. Bài viết nhấn mạnh vai trò quyết định của tài liệu sơ cấp, đặc biệt là văn khố nhà Thanh (*Khâm định An Nam kỷ lược*, *An Nam đáng*, *Thượng dụ đáng*,...) và di văn của trực thân Tây Sơn như Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm. Các nguồn này cho thấy rõ việc Nguyễn Huệ đích thân sang triều cận là sự kiện lịch sử có thật, nằm trong bối cảnh thương lượng ngoại giao phức tạp giữa Tây Sơn và triều Càn Long sau chiến cục Kỳ Dậu. Bài viết chỉ ra rằng thuyết “giả vương” hình thành chủ yếu từ diễn ngôn hạ thấp Tây Sơn của sử quan nhà Nguyễn và từ tâm lý huyền thoại hóa Quang Trung trong ký ức dân gian, cộng hưởng cùng ảnh hưởng của tiểu thuyết lịch sử Minh - Thanh. Qua đó, tác giả khẳng định cần đọc lại sự kiện này trong tổng thể quan hệ Thanh - Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, với sự chú trọng vào bằng chứng văn thư và cơ chế bang giao đương thời, thay vì tái lập lịch sử dựa trên suy diễn và truyền thuyết.

**Từ khóa:** Tây Sơn, Quang Trung Nguyễn Huệ, giả vương, bang giao Việt - Thanh sử liệu sơ cấp

---

<sup>a</sup> Nhà nghiên cứu độc lập; California, USA. e-mail: nguyenchinh@sbcglobal.net

# Reassessing Cheng Sijia's Interpretation: The Tay Son Envoy Nguyen Hue's Audience at the Qing Court and the "Proxy-King" Hypothesis.

Nguyễn Duy Chính<sup>a</sup>

## Abstract:

This article examines and critiques the "proxy-king" hypothesis proposed by Associate Professor Cheng Sijia, which argues that the person who traveled to the Qing court to attend the Qianlong Emperor's 80th birthday celebration in the year of Gengxu (1790) was not Quang Trung Nguyen Hue himself, but an impersonator. The author contends that Cheng Sijia's argument relies heavily on secondary sources such as *Đại Nam thực lục* (Chronicle of Greater Vietnam), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Records of the Unification of Imperial Lê), and scattered anecdotal accounts that are shaped by political bias and post-Nguyễn dynasty psychological narratives. In contrast, this study emphasizes the decisive role of primary sources-particularly Qing archival materials (including Imperially Commissioned Summary of Annam, Records of Annam, Imperial Edicts, etc.) and writings of direct Tây Sơn officials such as Phan Huy Ích and Ngô Thì Nhậm. These sources clearly demonstrate that Nguyen Hue's personal diplomatic mission to the Qing court was a historically documented event, situated within the complex diplomatic negotiations between Tây Sơn and the Qianlong court following the military campaign of the year of Jiyou (1789). The article argues that the "proxy-king" narrative originated primarily from the Nguyễn dynasty's historiographical discourse that sought to diminish the Tay Son regime, combined with later popular mythologization of Quang Trung and the influence of Ming - Qing historical romance literature. Consequently, the author asserts the need to reinterpret this event within the broader context of late 18<sup>th</sup>-century Qing - Tây Sơn diplomatic relations, emphasizing archival evidence and contemporary diplomatic mechanisms rather than speculative reconstructions and folkloric narrative.

**Keywords:** *Tây Sơn dynasty, Quang Trung Nguyễn Huệ, proxy-king hypothesis, Sino-Vietnamese diplomacy, primary historical sources*

**Received: 11.9.2025; Accepted: 15.12.2025; Published: 30.12.2025**

**DOI: 10.59907/daujs.4.4.2025. 468**

---

<sup>a</sup> Independent Researcher; California, USA. e-mail: nguyenchinh@sbcglobal.net

## Mở đầu

Cách đây ít lâu, TS. Sun Laichen, giáo sư Đại học Cal State, Fullerton có gửi cho tôi một văn bản rút ra từ tạp chí Sử Lâm (史林), kỳ thứ 3, 2025 của Thành Tư Giai (成思佳: Cheng Sijia), phó giáo sư từ Đại học Trịnh Châu (Trung Quốc)

Nội dung biên khảo (viết bằng chữ Hoa giản thể) này là việc người sang Trung Hoa trong kỳ Bát tuần khánh thọ của vua Cao Tông có thực sự là vua Quang Trung hay chỉ là một người giả thay mình.

Thành Tư Giai dẫn nhiều nguồn từ phía Việt Nam, phần nhiều là ngoại sử, để chứng minh việc vua giả là có thực, mặc dầu ông cũng lúng túng khi thấy người đóng vai này có nhiều tên khác nhau, nhiều chi tiết không đồng nhất và không phát xuất từ một nguồn nào có giá trị đầu tay. Hai tài liệu tuy mang danh chính sử là *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam chính biên liệt truyện* (*Liệt truyện*) tuy là sử quan tu nhưng cũng không phải là tài liệu gốc vì được biên soạn theo lệnh triều đình trong đó vô số những sai lầm mà ngày nay chúng ta có thể khảo chứng được. Tác phẩm mà Thành Tư Giai cũng rất coi trọng là *Hoàng Lê nhất thống chí*, một bộ tiểu thuyết lịch sử viết về thời kỳ cuối đời Lê có thể dùng tham khảo một số nhân danh, địa danh nhưng những phần viết về giao thiệp giữa Tây Sơn với nhà Thanh lại ở những chương cuối, được viết sau các hồi trên gần một trăm năm. Những chi tiết trong đó đầy rẫy thiên kiến, Ngụy tạo từ tin đồn rõ ràng theo quan điểm triều đình hơn là sự thật lịch sử.

Ở Việt Nam, tranh luận về vấn đề người thực, người giả trên diễn đàn học thuật không phải ít, gần đây lại có những nhà nghiên cứu đưa thêm một số tư liệu từ gia phả hay truyền ngôn để nêu ra một số giả thuyết mới. Tựu trung, những lập luận đó đều nhằm chứng minh là “có” một người đóng giả (trích từ tài liệu thứ cấp), nhưng lại phớt lờ những tài liệu tiên nguyên và không hề giải thích việc đưa một người giả sang Trung Hoa có khả thi và phù hợp với toàn bộ quá trình giao thiệp Thanh - Tây Sơn hay không?

Cũng không tìm ra bất cứ chi tiết nào từ những nhân vật hàng đầu tham gia chuyến đi này cho thấy họ đã hộ tống một “giả vương” sang Trung Hoa. Phái đoàn An Nam sang Trung Hoa cũng không phải ra đi lạng lẽ, đi không ai biết, về không ai hay mà có lẽ bộ hộ tống rầm rộ, đi đến đâu lại diễn kịch, yến tiệc thăm viếng danh lam thắng cảnh, vừa chứng tỏ vị thế của phái đoàn, vừa phô trương về thịnh trị của nhà Thanh.

Việc đưa ra một số tin tức mập mờ không phải chỉ từ phía Việt Nam mà còn từ chính từ tài liệu của Trung Hoa muốn xoá đi những quan hệ bất lợi cho họ, đưa Việt Nam trở lại quỹ đạo tông phiên cũ đời Lê phù hợp với nhu cầu của triều Nguyễn muốn hạ thấp nhà Tây Sơn trong chủ trương không muốn kẻ thù của mình lại đứng cao hơn trong ban thứ (thứ tự trong hàng khi triều yết) nhà Thanh.

Khi bang giao Việt - Thanh đi vào một thời kỳ nhiều kịch tính, một An Nam quốc vương sang tham dự lễ khánh thọ thực sự chỉ là một nỗ lực ngoại giao nhằm che dấu một thất bại quân sự của vua Càn Long. Cái được gọi là “*chiến thắng mà không cần dụng binh*” là một bộ áo vô hình của hoàng đế còn việc sắp xếp để vua Quang Trung sang Trung Hoa chỉ là một nối dài của một chuỗi liên quan nay nhất thời bị gián đoạn vì thay ngôi đổi chủ. Việc sang Trung Hoa triều cận vốn đã được sắp đặt để vua Chiêu Thống thực hiện và Lê Duy Kỳ sẵn sàng đi theo kế hoạch đó. Sự thất bại của Tôn Sĩ Nghị khiến cho mọi việc phải thay đổi nhưng vì chuyện này chưa lan ra bên ngoài nên đã nảy sinh nhiều thuyết âm mưu. Qua những mặt tiêu cực của một ông vua giả, việc tưởng tượng gán cho Nguyễn Huệ được dịp thù dệt, vẽ vờ cho hợp với nhu cầu đại chúng.

Dưới góc nhìn mới, những sử gia tân thời cho rằng vua Quang Trung “không thềm” ra Bắc để được phong vương và cũng chẳng sang Tàu dự thọ lễ, coi toàn thể triều đình Trung Hoa như những sứ Tàu ngây ngô luôn luôn bị người nước ta châm chọc. Những chủ đích mà triều Nguyễn miêu tả một Nguyễn Huệ ngạo mạn, hung hăng nay trở thành biểu tượng cho một dân tộc quật khởi. Qua vài lời vu vơ, sử gia Việt Nam đi xa hơn để vẽ ra một Quang Trung có ý định xua quân chiếm đất Lương Quảng và thách đố Thanh triều qua việc xin cưới một hoàng nữ nhà Thanh. Sử sách nay vượt ra khỏi giới hạn thực tế mà chúng ta có được, “mơ thành người Quang Trung” trở thành ước vọng của thiếu niên.

Trong bài này, tôi [NDC] sẽ giải thích và đưa ý kiến của mình để trình bày và giải thích theo một hướng khác, ngoài việc phản bác quan điểm của Thành Tư Giai đồng thời trả lời một số ý kiến rải rác trong báo chí, trang mạng của người Việt Nam liên quan đến vấn đề này.

### Chủ điểm của lập luận giả vương

Việc nêu lên một người giả thay vua Quang Trung sang Trung Hoa được Thành Tư Giai nêu lên và sử dụng những tài liệu sau đây:

Tên tác phẩm	Nhân vật đóng vai giả vương	Nguồn tài liệu
<i>Đại Nam thực lục</i>	Phạm Công Trị	Quốc sử quán triều Nguyễn
<i>Liệt truyện - Ngụy Tây</i>	Phạm Công Trị	Quốc sử quán triều Nguyễn
<i>Minh Mạng ngự chế thi</i>	Nguyễn Văn Trị	Vua triều Nguyễn
<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>	Nguyễn Quang Thục	Ngô Gia Văn Phái
<i>Nghệ An chí</i>	Nguyễn Chấn	Bùi Dương Lịch
<i>Tây Sơn thuật lược</i>	Nguyễn Hữu Chấn	Dật danh (Nguyễn Thu)

Tên tác phẩm	Nhân vật đóng vai giả vương	Nguồn tài liệu
<i>Lê quý dật sử</i>	Tư Mã Chấn	Bùi Dương Lịch
<i>Việt sử cương mục toát yếu</i>	Nguyễn Văn Trị	Đặng Xuân Bảng
<i>Việt sử tập yếu tiền lãm</i>	Nguyễn Văn Trị	Dật danh (không có tên)
<i>Việt Nam tập lược</i>	Không ghi tên	Từ Diên Húc (tuần phủ Quảng Tây đời Quang Tự)
<i>Thanh sử cảo</i>	Không ghi tên	Triệu Nhĩ Tốn (Tổng tài)
<i>A Voyage to Cochinchina</i>	Không ghi tên	John Barrow (nhà ngoại giao)

Điểm qua tất cả dẫn chứng, ngay cả tài liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn **tất cả đều là tài liệu thứ cấp**. Người đóng vai giả vương được tổng kết vào hai nhân vật:

Một là cháu vua Quang Trung tên Phạm Công Trị [có chỗ chép thành Nguyễn Văn Trị] là tài liệu của triều đình hay nghiên cứu chép lại theo sách vở nhà Nguyễn. Tên Phạm Công Trị và nhiều nhân vật liên quan được tác giả xếp vào nhóm “thân thân”. Tác giả cũng nêu thêm một người cũng có thể ở trong nhóm người là em của vua Quang Trung trong *Thanh sử cảo*.

Tên thứ hai là Nguyễn Hữu Chấn hay Tư Mã Chấn trong ngoại sử thì đây chính là tư mã Ngô Văn Sở (còn có tên là Chấn Quận công). Ngô Văn Sở được xếp vào thành phần “thuộc liêu” (tức quan chức dưới quyền). Cũng có thể xếp vào “thuộc liêu” là cái tin đồn về việc toàn bộ phái đoàn bị giết khi về nước mà John Barrow nghe được không biết từ đâu.

Theo tài liệu gốc (chữ Hán) trong cung nhà Thanh và của Việt Nam, cả hai người - Phạm Công Trị và Ngô Văn Sở - đều có mặt trong phái đoàn với những vai trò khác nhau. Trong bài này, chúng tôi không đề cập đến xuất xứ từng tác phẩm và những sai lầm về thời gian, không gian. Những chi tiết đó tôi đã trình bày trong cuốn sách *Giở lại một nghi án “Giả vương nhập cận”* (Văn hóa - Văn nghệ, 2016). Ở đây chỉ nhấn mạnh vào tình hình lúc việc này xảy ra nhất là những sắp đặt để thực hiện chuyến đi này, bác bỏ những luận điệu là người Thanh bị đánh lừa như trong truyện cười dân gian.

Tên tác phẩm	Nguồn tài liệu	Chú thích
<i>Khâm định An Nam kỷ lược</i>	Văn thư nhà Thanh	Tập trung tài liệu về việc đem quân sang An Nam
<i>An Nam đáng</i>	Văn thư nhà Thanh	Tài liệu về An Nam (lưu trữ trong Cố cung bác vật viện Đài Bắc)
<i>Cung trung đáng</i>	Văn thư nhà Thanh	Tài liệu trong cung (đủ loại)

Tên tác phẩm	Nguồn tài liệu	Chú thích
<i>Thượng dụ đáng</i>	Văn thư nhà Thanh	Các lệnh chỉ, dụ từ nhà vua gửi xuống
<i>Dụ Am văn tập</i>	Phan Huy Ích	Văn bản của Phan Huy Ích (phần nhiều văn thư ngoại giao)
<i>Dụ Am ngâm tập</i>	Phan Huy Ích	Thơ của Phan Huy Ích (các lần đi sứ)
<i>Bang giao hảo thoại</i>	Ngô Thì Nhậm	Văn thư ngoại giao do Ngô Thì Nhậm viết
<i>Hàn các anh hoa</i>	Ngô Thì Nhậm	Văn thơ do Ngô Thì Nhậm viết khi đi sứ
<i>Đại Việt quốc thư</i>		Tài liệu ngoại giao (đòng họ Phan Huy)
<i>Hịch dụ An Nam quốc trấn phủ</i>		Tài liệu ngoại giao (đòng họ Phan Huy)

Thực ra, nếu xét trên các tài liệu sơ cấp thì việc một Nguyễn Huệ đích thân sang Trung Hoa là một sự kiện lịch sử không cần phải chứng minh. Có điều xưa nay việc ông vua Việt Nam sang Trung Hoa là một biến cố chưa từng có và trong tiến trình có những ép buộc nên ngay từ đầu đã tạo nhiều nghi ngờ chứ không được đánh giá theo giao thiệp giữa hai nước. Việc khẳng định đây là một người giả xuất phát từ tin đồn, nặng phần tâm lý thù ghét Tây Sơn chứ không hẳn là một sự kiện có xảy ra hay không. Một chi tiết cần nhấn mạnh, những sách vở viết về chuyến đi của người giả đều rất sơ sài, tương chừng như chỉ là một chuyến du ngoạn ngắn và **theo các chi tiết sai lầm thì có thể chắc chắn rằng người tұлật chưa bao giờ làm quan trong triều Tây Sơn**. Các ghi chép về một giả vương cho thấy người dựng lên các thuyết này chưa từng biết đến những chứng cứ tiên nguyên trong văn khố nhà Thanh (Trung Hoa) hay di văn trực tiếp của người trong phái đoàn (Việt Nam) và chỉ dựa vào đồn đãi nghe được từ bên ngoài. Việc không có cơ hội tiếp cận với tài liệu gốc chính là khu rừng hoang để xây dựng những truyền thuyết mà không ai kiểm chứng.

Trong thời kỳ nhiễu nhương, tin đồn thường nảy sinh khi có một đại sự mà thông tin rất ít, bỏ lại một khoảng trống cho tưởng tượng. Người ta kể đi kể lại những điều chỉ nghe chứ không hề thấy, muốn người khác tin như chính mình muốn tin. Trong những lời cung khai của nhóm nhà Lê lưu vong, họ cũng tố cáo người tên là Nguyễn Quang Hiển thay mặt vua Quang Trung dâng biểu cầu phong cũng chỉ là một người giả họ Văn. Cái tin này cũng loan truyền tại Bắc Kinh đưa đến nhiều nguồn cho rằng Nguyễn Huệ sang Trung Hoa “*cầu phong*” mà không biết rằng hai chuyến đi hoàn toàn khác nhau.

Phái đoàn Quang Trung sang Tàu sau phái đoàn cầu phong Nguyễn Quang Hiển gần một năm và rầm rộ hơn nhiều, là khách mời tham dự lễ khánh thọ. Trước khi ra đi gần nửa năm ông đã được sứ thần nhà Thanh Thành Lâm sang sách phong là quốc vương ở Thăng Long và được xác định khi đến triều đình ông sẽ được xếp theo ban thứ “*trên quận vương, dưới thân vương*” chứ không còn e ngại rằng mình sẽ “*loay hoay không biết đứng ở đâu*” mà ông nêu lên như một yêu cầu tiên khởi là phải phong vương trước, sang dự lễ sau.

Tin họ Văn này do nhóm Lê Quỳnh tố cáo với Phúc Khang An cũng cho thấy ngay từ khi triều đình Tây Sơn bắt đầu tái giao thiệp với nhà Thanh thì trong nước đã nảy sinh nhiều tin đồn nhằm phủ nhận sự thực hai bên đã giảng hòa để đưa ra những giải thích theo hướng hai bên vẫn còn tiếp tục đánh lừa nhau, các hình thức lễ nghi chỉ là vỏ bọc của nhà Thanh cho những toan tính kế tiếp.

### **Ảnh hưởng của tiểu thuyết Minh - Thanh**

Một triều đại bị xóa sổ không còn dấu tích sau những đợt truy quét và khủng bố đã ảnh hưởng khá nhiều khi người ta phục dựng lại triều đại đó từ đồng tro tàn, bất kể có thực hay không?

Trong suốt bốn ông vua đầu tiên của nhà Nguyễn, ngoài những đợt huỷ hoại văn bản, tài liệu và hiện vật, triều đình vẫn tiếp tục lùng kiếm con cháu anh em Tây Sơn để diệt cho kỳ hết. Đến khi nước ta bị người Pháp xâm chiếm, Việt Nam cần khôi phục lại hào quang của chiến thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ và phong trào Tây Sơn được tái sinh trong qui mô lớn, hoàn toàn đảo ngược lại những gì trước đây viết về Ngụy Tây. Không chỉ phong trào Tây Sơn, những cuộc bạo loạn khác chống lại triều đình cũng được tôn vinh như anh hùng khởi nghĩa.

Theo lịch sử, từ thế kỷ XVIII sang thế kỷ XIX, một số lượng không nhỏ các loại tiểu thuyết lịch sử của Trung Hoa theo chân các thuyền buôn xuống phương nam. Không chỉ ở Việt Nam là nơi chữ Hán được dùng như văn tự chính thức, sách vở tiếng Hoa cũng len lỏi đến các cộng đồng người Trung Hoa tại Xiêm La, Mã Lai, Indonesia.

Riêng tại Việt Nam, ngoài những chính bản viết bằng chữ Hán, người Việt cũng dùng nhiều thể loại văn chương bản địa sáng tác những truyện thơ, tiểu thuyết, truyện kỳ và cả những huyền thoại về Tây Sơn mà đến nay còn được ghi chép lại. Các tác phẩm lớn như *Chinh phụ ngâm khúc*, *Kim Vân Kiều*, *Truyện kỳ mạn lục*, *Hoàng Việt xuân thu*,... đều ít nhiều ảnh hưởng từ cách sắp đặt thơ, truyện của Trung Hoa. Tới khi chữ quốc ngữ thịnh hành và số người biết chữ tăng cao, truyện Tàu được dịch ra tiếng Việt càng nở rộ, bắt đầu là ở Nam Kỳ rồi dần dần lan ra Bắc và Trung Kỳ. Theo danh sách của Nhan Bảo trong "The Influence of Chinese Fiction on Vietnamese Literature" trích từ sách *Literary Migrations: Traditional Chinese Fiction in Asia (17<sup>th</sup> - 20<sup>th</sup> centuries)*<sup>1</sup> thì đến giữa thế kỷ XX, Việt Nam có đến 316 tựa đề được dịch ra tiếng Việt và nếu tính thêm trong vòng 80 năm qua thì con số chắc phải lớn hơn rất nhiều.

Chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết, người Việt Nam cũng du nhập nhiều chi tiết dã sử nên xuất hiện việc anh em Nguyễn Nhạc nhặt được gươm thần, cha của Nguyễn Nhạc táng

<sup>1</sup> Singapore: *Institute of Southeast Asian Studies*, 2013 (reprinted from 1987 edition), 175-192.

vào long huyết, tiên tri về sinh mệnh nhà Tây Sơn qua sấm vĩ, sự đoán thọ của Nguyễn Huệ trong âm mưu của nhà Thanh tẩm thuốc độc vào long bào tặng cho vua Quang Trung... Những dật sự đó đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc huyền thoại hóa anh em Tây Sơn và đến hôm nay nhiều người vẫn coi đất Bình Định như là một cái nôi của võ thuật mà anh em Nguyễn Nhạc là tổ sư, các tướng của Tây Sơn là danh gia cao thủ.

### Tài liệu gốc của Việt Nam

Tài liệu gốc về thời Tây Sơn sau nhiều đợt truy quét hầu như không còn gì. Tuy về sau, vua Minh Mạng có ra lệnh tìm kiếm nhưng những gì thu thập được phần nhiều chỉ là dã sử và tài liệu thứ cấp không đáng tin trong đó không ít tài liệu ngụy tạo. Hiện tượng trước bài trừ rồi sau lại khôi phục trong những năm gần đây cho thấy vì nhu cầu thương mại mà cổ vật được làm giả để đáp ứng nhu cầu của giới sưu tầm và tôn xưng dòng họ.

Trong giai đoạn Tây Sơn bị coi là ngụy triều, sự thay đổi danh tính, hành trạng cho phù hợp với quan điểm chính trị mới rất phổ biến. Đến khi gió đổi chiều, việc tô vẽ lại diện mạo tiền nhân lại nổi lên như nấm mọc sau mưa. Thêm một câu, sửa một chữ cũng có thể làm thay đổi hoàn toàn ý nghĩa của cả đoạn.

Tựu trung tài liệu về đời Tây Sơn có hai nguồn: *sơ cấp* (thật) và *thứ cấp* (giả). Một số tài liệu mà trước đây Viện Viễn Đông Bác Cổ đã sưu tầm hay sao chép được có giá trị đầu tay rất cao, nếu có sai lầm là vì chép sai chứ tài liệu không giả. Riêng về đời Tây Sơn, chúng ta có được tài liệu trong dòng họ Phan Huy, điển hình là các bộ văn thơ của Phan Huy Ích<sup>1</sup> soạn trong đó có *Dự Am văn tập* (A.604/1-3) [3809]<sup>2</sup>, *Dự Am ngâm lục* (A.603 Vhv.1647, VHV.2462) [3807]. Ngoài ra, một số tài liệu không rõ tác giả nhưng chúng tôi tin rằng đây chính là tài liệu trong sưu tập của họ Phan Huy vì chỉ có Phan Huy Ích là người có điều kiện để sưu tập các văn thư đó. Có thể kể *Hịch dụ An Nam quốc trấn phủ* (A.3010) [0510] và *Đại Việt quốc thư* (tức *Đại Nam quốc thư tập*, 869) [0486] là những văn thư trao đổi qua lại với quan nhà Thanh nhưng không gửi lên triều đình.

Người thứ hai cũng để lại rất nhiều tài liệu liên quan đến bang giao thời Tây Sơn là Ngô Thì Nhậm có *Bang giao hảo thoại* nằm trong Ngô gia văn phái (VHV.1831, R.2019),

<sup>1</sup> Theo lời kể của chính Phan Huy Ích thì đời Gia Long nhà ông bị cháy mất hết các sách vở. Những gì chúng ta có được sau này chỉ là do ông và thân nhân, bạn bè tìm kiếm và chép lại từ bên ngoài nên có thể cũng không còn nguyên vẹn. Chúng ta cũng tìm thấy một số văn bản do ông viết tồn tại trong văn khố ngoại giao nhà Thanh.

<sup>2</sup> Số ghi trong [] là thứ tự tài liệu Viện Hán Nôm trong: Lưu Xuân Ngân, Vương Tiểu Thuần, Trần Nghĩa [劉春銀, 王小盾, 陳義] (chủ biên), *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu* [越南漢喃文獻目錄提要] (thượng và hạ), (Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện, Trung Quốc văn triết nghiên cứu sở [臺北: 中央研究院中國文哲研究所], 2002).



*Hàn các anh hoa* (A.2170), *Hoàng hoa đồ phả* (A.2871). Ngoài ra, một số trúc tác tuy không do chính người làm quan với Tây Sơn nhưng cũng có nhiều tài liệu quý giá chẳng hạn như *Lịch triều tạp ký* (A.15/4 6; MF.1064 VHv.1321/1.3.6) [0257] của Ngô Cao Lãng và *Quốc sử di biên* (A.1045/1-2) [0229] của Phan Thúc Trực (các tác phẩm này được thực hiện đầu đời Nguyễn) và *Bang giao lục* do Lê Thống sưu tập năm 1819 (A.614, A.691/1-2).<sup>1</sup>

Về tài liệu thứ cấp, tuy không có tài liệu trực tiếp viết về Tây Sơn nhưng miền Bắc cũng có khá nhiều sách vở viết về thời kỳ cuối đời Lê sang tới đời Nguyễn. Sinh mệnh lịch sử ngắn ngủi của triều đình Tây Sơn khiến cho nhiều đại sự không được chép đến cho đúng mực. Việc nhà Thanh từ bỏ việc công nhận nhà Lê để chuyển sang công nhận Tây Sơn hầu như giới nho sĩ miền Bắc nếu không làm việc với Tây Sơn thì mù tịt mặc dù đối với quan hệ tông phiên, đây là một quá trình rất cam go và mất thời gian. Xem lại lịch sử, mỗi khi thay đổi triều đại, dù là đời Trần, đời Hồ, đời Lê và sau này đời Mạc, nước ta thường bị lép vế rất nhiều nên dây dưa kéo dài hàng năm (hay nhiều năm), lắm khi phải chịu những đòi hỏi rất nhọc quốc thể. Chưa bao giờ nước ta ở vào thế người phải cầu mình như dưới thời Quang Trung.

Thành thử, trong khi những văn quan đảm trách việc giao thiệp với Trung Hoa đã dùng những từ ngữ hết sức vinh dự về một thời kỳ chưa từng có thì những người ở bên ngoài lại phao truyền đầy rẫy thuyết âm mưu với những lừa dối theo kiểu tiểu thuyết Minh Thanh là phong trào của giai đoạn đó. Cũng nên thêm, vì thiếu hiểu biết hay vì quan điểm chính trị khác biệt, những gì viết về thời kỳ Tây Sơn trong các tài liệu ngoại sử rất sơ lược, sự việc tùy nghi đã đành mà thời gian cũng không chính xác. Nhiều tin đồn được ghi chép nhưng sự việc xảy ra có khi đã hàng năm hay nhiều năm đưa đến những luận giải bất nhất về một thời kỳ chỉ kéo dài độ mươi năm. Với những chi tiết mơ hồ như thế, người nghiên cứu chỉ có thể ghi nhận như những tin đồn chứ không dám quả quyết là việc đó đang xảy ra. Vì cùng một lúc có đến hai ba tầng lớp cai trị, tùy từng góc nhìn mà chúng ta có những ghi nhận khác nhau.

Ngoài sử triều Nguyễn mà toàn bộ giai đoạn ba ông vua nhà Tây Sơn (Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh) viết chung trong một quyển Ngụy Tây trong *Liệt truyện* vẫn được dùng như tài liệu cơ bản để viết về Tây Sơn, chúng ta còn thấy *Tây Sơn thuật lược* [Société Asiatique Paris, số HM 2178 Legs H. Maspéro, vi ảnh 5/VAHH Viện Khảo cổ Saigon] (tác giả Vô Danh - sau này các học giả miền Bắc Việt Nam tìm ra tên người viết là Nguyễn Thu) nhưng viết rời rạc, có nhiều việc ly kỳ nhưng không mạch lạc, chỉ có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Một số tài liệu trích từ thư từ của các nhà truyền giáo tuy xuất hiện

<sup>1</sup> Văn thư bang giao của Tây Sơn còn tồn tại không bị hủy (có lẽ vì được dùng làm tài liệu tham khảo khi soạn thảo thư từ giao thiệp với nhà Thanh đầu đời Nguyễn) nhưng cũng vì cấm kỵ nên đã loại bỏ những chi tiết “nhạy cảm” như niên hiệu, ngày tháng, tên người nên cũng gây ra khó khăn cho người nghiên cứu khi cần truy tầm chính bản để biết đích xác sự việc xảy ra như thế nào.

đồng thời nhưng cũng không hoàn toàn có giá trị vì cũng chỉ nghe qua tin đồn và tường thuật của người khác. Bộ tiểu thuyết quan trọng nhất mà trước đây vẫn được dùng làm tài liệu viết về thời Tây Sơn là *Hoàng Lê nhất thống chí* thì có nhiều điều do tưởng tượng được vẽ ra sau hàng thế kỷ, rõ ràng người viết không am tường những việc xảy ra thời Tây Sơn.

### Tình hình miền Bắc thời kỳ Tây Sơn

Vào thời kỳ đó, tuy quân Tây Sơn làm chủ đất bắc nhưng bề ngoài vẫn có một triều đình nhà Lê tạm thời nắm quyền từ trung ương xuống địa phương với đầy đủ quan chức. Xem những tờ trình của triều đình Lê Duy Cẩn để xin bãi binh cho thấy dù chỉ còn một cái khung, miền Bắc vẫn là một quốc gia có qui củ. Từ danh sách quan văn võ chúng ta có thể biết được thứ bậc trong triều đình nhà Lê và phủ nhận những hư cấu trong *Hoàng Lê nhất thống chí*. Chính từ những việc đối chiếu qua lại từ những nguồn tương đối chắc chắn của Trung Hoa, của Việt Nam chúng ta có thể loại ra nhiều sự kiện không chính xác nghi rằng đã bị canh cải trong giai đoạn mà việc đề cao Tây Sơn còn là một cấm kỵ. Sau thời kỳ toàn trị, việc khôi phục sự thật luôn luôn khó khăn khi thật và giả đan xen với nhau.

Từ những tờ bẩm gửi sang nhà Thanh, Lê Duy Cẩn là người xử lý công việc quốc vương, các quan lại trong triều (74 người) và trấn mục các địa phương (85 người) triều đình nhà Lê cố chứng minh rằng tuy Lê Duy Kỳ vắng mặt nhưng không vì thế mà miền Bắc hoàn toàn vô chủ. Tuy không biết mọi việc được điều hành như thế nào nhưng có lẽ việc nội trị cũng không khác thời vua Lê chúa Trịnh trước đây mặc dù một số công việc hành chánh, giáo dục, tuyển bổ có thể không được chu đáo như cũ. Theo báo cáo của Tôn Sĩ Nghị thì khi quân Thanh vào tiếp quản Thăng Long, triều đình nhà Lê “*ra hàng*” (như còn ghi lại trong bức tranh Phú Lương giang chi chiến), chỉ có quân Tây Sơn đã rút lui.

Triều đình đó khi vua Chiêu Thống trở về phần lớn được tái bổ dụng, có người còn được thăng cấp cho thấy dù chỉ là một khung hình hành chánh bệ rạc nhưng không hoàn toàn sụp đổ. Tên hai ông Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm vẫn hiện hữu trong danh sách quan lại của Lê Duy Cẩn cho thấy việc họ có một vai trò tham mưu và cộng tác trực tiếp trong quân doanh Tây Sơn không phải là sự thực (có chỗ còn nói rằng hai ông Phan, Ngô được đưa về Phú Xuân). Quân Tây Sơn ở hay đi không hề tiết lộ cho người ngoài biết và như bình thường, những quyết định quân sự luôn luôn được coi như tối mật.

Từ qui mô của những bẩm văn, chúng ta có thể tin rằng quan lại và dân chúng miền Bắc tuy không ủng hộ Tây Sơn nhưng cũng không mặn mà với sự có mặt của quân Thanh và chỉ coi như hai đoàn quân ngoại nhập. Tuy không hoàn toàn thờ ơ, việc Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc khó có thể được dân chúng Bắc Hà đồng hoá với “*quân ta*” vì thực sự họ chỉ coi như hai thế lực có mặt trên cùng một địa bàn, một thứ tai trời ách nước, khác hẳn với những cuộc chiến chống ngoại xâm thế kỷ XIII và giành độc lập vào đầu thế kỷ XV.

### Chủ điểm của thuyết giả vương

Dựa trên sử nhà Nguyễn và một số ngoại sử, thuyết giả vương khai thác những âm mưu do quan lại nhà Thanh cấu kết với một số viên chức Tây Sơn đưa người giả sang Trung Hoa chủ yếu từ những chi tiết sau đây:

*Thứ nhất, Ngô Thì Nhậm là người chủ chốt đã sắp xếp mọi việc, những người khác, kể cả Nguyễn Huệ cũng chỉ làm đúng như vở kịch mà ông đã dựng lên.*

Cái chi tiết mà Nguyễn Huệ giao toàn quyền cho hai ông Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích thực sự chỉ là để những văn quan này được tùy ý sửa đổi văn bản sao cho thích hợp với ngôn từ ngoại giao khi qua lại với nhà Thanh.<sup>1</sup> Cũng nên nhấn mạnh, những sửa đổi đó nếu có chỉ là tiểu tiết, lễ nghi là những điều mà quan nhà Thanh thường yêu cầu khi muốn tỏ ra kè cả, thêm chỗ này, bớt chỗ kia, dùng cho đúng những câu, những chữ mà nhà Thanh qui định nhưng không phải là những quyết định mang tính quốc gia. Hiện nay, khi văn khố nhà Thanh được mở ra để cho nhiều người tham khảo rộng rãi, nếu cất công so sánh bản thảo [còn lưu trong các văn bản của nước ta trong *Bang giao hảo thoại* hay *Dụ Am văn tập...*] với cùng văn bản đó được gửi sang Thanh đình [tức văn thư chính thức của nước ta] còn giữ trong văn khố Trung Hoa thì chúng ta có thể tìm thấy không ít những sai lệch. Những sai lệch đó hoàn toàn có thể xảy ra khi văn thư ngoại giao luôn luôn bị kiểm duyệt và các quan lại địa phương [thường là tuần phủ Quảng Tây hay tổng đốc Lương Quảng] yêu cầu thay đổi để lá thư không vi phạm hay đề cập đến những điều không thích hợp. Đây là một thông lệ trong nhiều triều đại, trong nhiều văn thư nhưng chưa được quan tâm đúng mức, cũng không có ai làm công việc so sánh tỉ mỉ từng câu từng chữ này.

Chính vì thế, hai ông Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm hay các quan văn hầu mệnh đời tại Lạng Sơn có một số quyền hạn nhất định [và chắc chắn có những bản giấy trắng có đóng dấu sẵn] để dùng khi cần phải điều chỉnh cho thích hợp. Cũng nên thêm, vì tình hình chính trị nước ta thời Tây Sơn có những thay đổi, kinh đô nay không còn là Thăng Long mà đã dời xuống Nghệ An nên việc qua lại mất nhiều thời gian hơn, nhất là nước ta thời kỳ đó chưa có một hệ thống giao thông hoàn chỉnh, thời tiết lại bất thường nên dễ gặp những trở ngại kéo dài thời gian chuyển và nhận tin. Việc uỷ nhiệm cho các văn quan miền Bắc được rộng rãi hơn trong ngoại giao là vì hoàn cảnh thực tế hơn là vì được tín nhiệm hay coi họ như những quân sư. Xem lại một số văn thư đời Tây Sơn, danh sách được liệt kê theo ưu tiên, các văn quan thường chỉ được xếp ở sau cùng cho thấy họ không phải là quan đầu triều như ta tưởng.

<sup>1</sup> Chi tiết này trong lời nhắn lại của Ngô Văn Sở gửi hai ông Phan, Ngô trước khi ông về Nam. Lời nhắn nhủ này được diễn dịch thành ra Ngô Thì Nhậm có toàn quyền hành sự nhằm ủng hộ thuyết ông là người chủ chốt việc đưa vua giả sang Trung Hoa. Xem: *Đại Việt quốc thư*, tập IV, bản dịch Nguyễn Duy Chính, (TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), 129.

Vả lại, trong giai đoạn đầu khi Nguyễn Huệ ra bắc, những viên quan văn này là người của triều Lê, tuy có cộng tác với Tây Sơn nhưng không chính thức. Nếu duyệt lại danh sách những người đã ký tên trong triều đình Lê Duy Cận gửi sang nhà Thanh thì gần như toàn bộ các quan lại khi đó ít nhiều đứng vào thế thụ động (nên sau này họ bị vua Chiêu Thống trừng phạt). Một chi tiết cũng đáng quan tâm là gần như toàn bộ những người hộ vệ thái hậu, hoàng phi, nguyên tử chạy sang Quảng Tây [mà sử nhà Nguyễn nói là chạy sang khóc lóc cầu viện] đều chỉ là thân quyến bên ngoại và bên vợ vua Lê, số người ngoài rất ít.

*Thứ hai, trong suốt các màn kịch Nguyễn Huệ chỉ là một loại bù nhìn, bảo gì làm nấy*

Dựa trên những gì người ta đọc được trong *Ngụy Tây liệt truyện* trong sử triều Nguyễn, vở kịch giả vương xuất hiện rất sớm, ngay từ trước khi ra Thăng Long để nhận sách phong của nhà Thanh thì triều đình Tây Sơn đã đưa một người giả ra làm lễ rồi. Và để cho ăn khớp với diễn tiến về sau, cũng chính Phạm Công Trĩ là người thay vua Quang Trung ra nhận lễ phong vương. Quả cũng ngược đời, nếu người giả đã thay mặt vua Quang Trung ngay từ đầu thì các màn kịch về sau chỉ tiếp tục đi theo con đường đã vạch sẵn, hà có gì phải năm lần bảy lượt từ chối cho thêm rắc rối? Cũng đừng quên, Thành Lâm - sách sứ sang Thăng Long phong vương - cũng là người được vua Càn Long triệu lên kinh đô tường trình buổi lễ và sau này được lệnh đến Nam Quan đón phái đoàn để nhận mặt quốc vương. Thành Lâm cũng là người cùng Phúc Khang An hộ tống phái đoàn lên kinh đô. Vả lại khi đó số người nhà Lê đang ở Trung Hoa rất đông nên có thể nhận diện phái đoàn không khó.

Một vấn đề đáng lẽ phải được nêu ra rất sớm là *An Nam nhất thống chí* của Ngô Thì Chí chỉ có bảy hồi, những hồi sau được thêm vào sau này. Khi Phan Huy Chú soạn *Lịch triều hiến chương loại chí*, ông cũng ghi rõ *An Nam nhất thống chí* do Ngô Thì Chí soạn chỉ có bảy hồi. Theo nghiên cứu gần đây, bảy hồi sau do Ngô Thì Du chấp bút còn ba hồi sau cùng (viết về nhà Tây Sơn sau khi thắng trận đến lúc đưa linh cửu vua Lê về nước) là do Ngô Thì Thiến viết vào cuối thế kỷ XIX. Chính vì thế, chi tiết giả vương xuất hiện trong hồi 15, theo văn mạch thì tác giả hoàn toàn không biết gì về phái đoàn Nguyễn Quang Hiển là phái đoàn cầu phong của Tây Sơn mà nhiều người trong cũng như ngoài nước hay lẫn lộn là vua Quang Trung đích thân sang. Nếu là người họ Ngô Thì mà không biết gì về những đại sự đó thì cũng cần đặt câu hỏi liệu khi viết đã tham khảo các di văn của Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích hay chưa? Việc Phan Huy Chú không nói gì tới việc sau bảy hồi đầu khiến ta có thể nghĩ rằng đến lúc ông viết *Lịch triều hiến chương loại chí* thì *An Nam nhất thống chí* cũng chỉ có bảy hồi mà thôi.

Nguyên thủy tác phẩm của họ Ngô Thì có tên là *An Nam nhất thống chí*. “Nhất thống” không cùng nghĩa với “thống nhất” như ta hiểu ngày nay, mà muốn nhấn mạnh rằng sau khi quyền hành của nhà vua bị chia năm xẻ bảy, đến lúc này đã quay trở lại trong tay nhà Lê. Vấn đề nhất thống vốn là trần trở của sĩ phu miền Bắc, người thì ủng hộ việc nhà vua

ủy quyền cho nhà chúa trông coi chính sự, vua chỉ lo phần tế lễ, kẻ lại muốn nhà vua lấy lại quyền uy tối thượng. Cũng vì lấy chiêu bài tôn Lê nên Nguyễn Huệ mới được dân Đàng Ngoài hưởng ứng khi đem quân ra Bắc và việc trao quyền lại cho vua Lê là một dấu ấn quan trọng. Cái mốc quan trọng của Nguyễn Huệ khi ra Bắc là việc ông dâng cho vua Hiến Tông sổ bộ binh dân và nhà vua đã cho bố cáo nhất thống ngoài cửa điện Đại Hưng. Ngô Thì Chí viết *An Nam nhất thống chí* cũng là để nhấn mạnh vào việc này và vì tình hình biến chuyển nên tuy việc nhất thống của nhà Lê không thành hiện thực nhưng người sau vẫn giữ cái tên cũ khiến cho danh và thực không còn phù hợp.

Việc miêu tả phái đoàn Tây Sơn sang Trung Hoa quá đơn giản khiến cho người đọc không hình dung được việc giao thiệp với nhà Thanh quan trọng đến mức nào. Theo nhiều tài liệu khác nhau, phái đoàn nước ta dao động từ gần 200 người cho đến 130 người. Sự thay đổi đó có lẽ vì không đi chung một lần và trong quá trình di chuyển cũng có những lần phải chạy qua chạy lại nên mỗi tỉnh báo cáo số người đến và đi có khác nhau. Chính vì miêu tả quá đơn giản, thêm phần hạ thấp đối phương nên sử triều Nguyễn viết rất sơ sài, không đúng sự thực:

Tuy không thể muốn gì làm nấy, đây là lần đầu tiên mà sứ bộ sang Trung Hoa có thể chuyển tin về nước và nhận tin tức từ Việt Nam sang. Tuy chúng ta chưa biết hết việc thông tin qua lại nội dung đầy đủ như thế nào nhưng xuyên qua một số chi tiết về thư từ qua lại cũng ít nhiều hiểu được cách bố trí lực lượng quân sự và hành chánh của nước ta (khu vực do Nguyễn Huệ kiểm soát), không những để bảo đảm an ninh lãnh thổ mà còn kiềm chế lẫn nhau không để xảy ra cái hoạ tiêu tường. Chúng ta cũng nhận đọc được những lá thư này mà cải chính được một số tên người cho đến nay vẫn sai lầm dù nghiên cứu về Tây Sơn rất rộng rãi.

Nhằm mục đích phô trương, nhà Thanh có những qui định về lộ bộ và tùy tùng rất huê dạng, tùy theo cấp bậc mà được bố trí cho thích hợp, nhất là người cùng đi lại là Phúc Khang An, Thành Lâm và nhiều võ tướng khác. Chính vì thế trong văn bản chúng ta còn đọc được cho thấy dân chúng đứng chật cả đường, đến Quảng Châu thì người Tây dương đều chạy ra xem. Lẽ dĩ nhiên không phải lúc nào cũng thế, tùy trường hợp mà sắp đặt nhưng các nơi đô hội, các đường sông đều có bố trí cho người ngoài trông vào đưa tốn phí của nhà Thanh lên đến hàng triệu lượng bạc.

*Thứ ba, màn kịch giả vương được bắt đầu từ trước khi phong vương, trong chuyến đi và còn phải tiếp tục cho đến đời Cảnh Thịnh.*

Có lẽ khi nêu lên một vở kịch giả vương và giấy tờ liên quan đến tiền triều đã bị huỷ hoại, vua Minh Mạng cho rằng sự việc có thể kết thúc. Cái đỉnh sau cùng đóng lên quan tài nhà Tây Sơn là việc vua Minh Mạng đặt ra lễ ôm gói để nhập nhằng cho người ta biết rằng

việc tiếp đón cái ông vua giả kia rất thấp hèn mà ông tưởng tượng ra.<sup>1</sup> Theo *Đại Nam thực lục*, năm Minh Mạng 16 [Ất Mùi, 1835] sau khi dẹp xong giặc Nông Văn Vân, vua Minh Mạng đã cử hành lễ “ôm gối” mà hình thức như sau:

... [Vua Minh Mạng] bắt đầu cho bày tôi có công được làm lễ ôm đầu gối vua [bảo tất lễ]. Trước đây, đại viên thống lĩnh 3 đạo Tuyên, Cao, Thái về Kinh, chiêm cận. Vua dụ Nội Các rằng: “Đề đốc Phạm Văn Điển, Tổng đốc Tạ Quang Cự và Lê Văn Đức, 2 lần đi đánh giặc, 3 năm được có thành tích, trải bao gian nan hiểm trở nên công lớn. Đó tuy là đạo bề tôi làm theo bốn phận nên làm, nhưng hết sức khó nhọc vì nước, để ta được thư lòng lo về miền Bắc, thì há có lễ nào nữ không hậu đãi họ sao? Vậy ra lệnh cho bộ Lễ soạn nghi tiết, chọn ngày tốt, ta sẽ ngự cửa đại cung, chuẩn cho các đại thần đã rút quân về đó tiến vào châu. Ban cho Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự và Lê Văn Đức làm lễ ôm đầu gối, để tỏ cho biết là ta coi họ như lũ hoàng tử mua vui ở dưới gối. Đó là lễ do ta bắt đầu đặt ra, kể về tình, rất là thân ái. Tình và lễ giữa vua và tôi không gì hơn được nữa. Vậy nên đem ý này truyền dụ trước cho họ biết.

... Trước một ngày, quan phân việc bày ngai, treo màn trướng ở gian chính giữa cửa đại cung, đến sáng sớm ngày chính nhật, rước vua lên ngự bảo tọa. Hoàng tử, các tước công, văn võ phẩm quan đều mặc áo thường triều, theo ban thứ đứng hầu. Bọn Thống soái, Tham tán đều mặc áo đại triều, do ban bên tả, rảo bước đến sân rộng, làm lễ chiêm cận. Dâng ấn quan phòng về việc quân của Đề đốc, Tổng thống, Tổng đốc, Thống đốc và Tham tán đi đánh dẹp xong rồi, bộ Binh trước hết dẫn Đề đốc Phạm Văn Điển do bên tả đường ống [lối đi hai bên có tường cao - lời chú thích trong sách], lên bên đông thêm giữa, đến phía trước bảo tọa, quỳ, phủ phục xuống đất, đợi tuyên Chỉ tiến lên. Điển giắt hốt vào đai, đi bằng đầu gối, tiến lên. Vua ruỗi một chân ra, Điển chìa hai tay ôm lấy, ngẩng lên, khấu đầu một cái. Được đặc Chỉ ban khen và thưởng, Điển liền giơ lên trán, nhận lĩnh, rồi lại khấu đầu một cái, đi bằng đầu gối lui ra đến chỗ phủ phục trước, cầm hốt, lại khấu đầu một lần nữa, rồi rảo bước đi ra...<sup>2</sup>

Sự thực, lễ bảo kiến thỉnh an là một đại lễ rất tôn quý của nhà Thanh, không biết vì vua Minh Mạng thiếu kiến thức hay vì ý định hạ nhục đối phương nên ông đã đặt ra lễ ôm gối khiến người ngoài cho rằng lễ mà vua Càn Long đón Nguyễn Huệ cũng tương tự. Lễ bảo tất là lễ thưởng công cho tướng sĩ, nhưng lễ bảo kiến là cách thức đón người thân ở xa đến. Hành đại lễ này, vua Càn Long cũng muốn nhấn nhủ cho bên ngoài ông đã coi Nguyễn

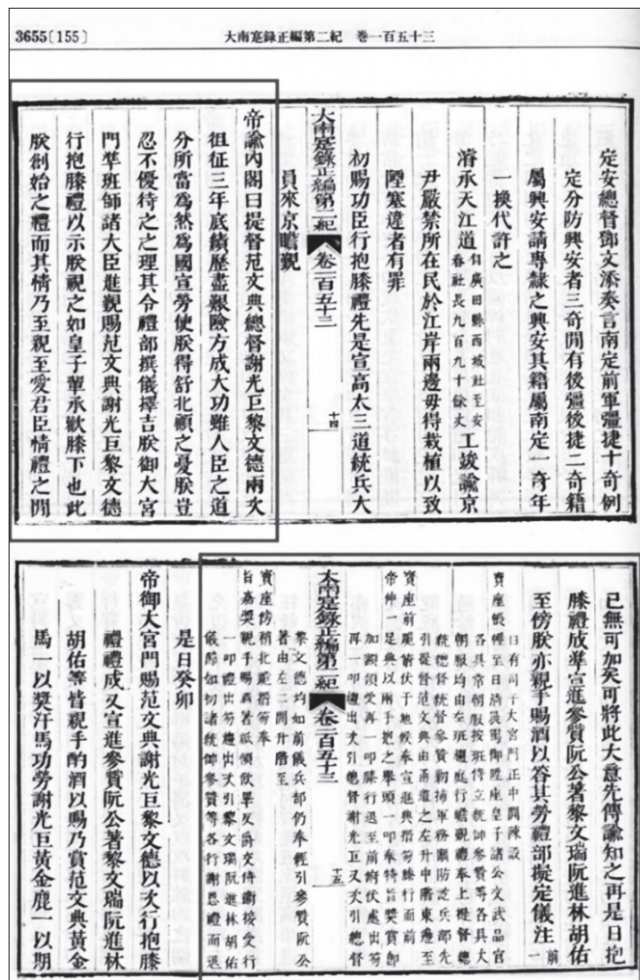
<sup>1</sup> Vua Càn Long đón Nguyễn Huệ bằng một đại lễ của người du mục là lễ ôm eo áp mặt có tên là bảo kiến lễ. Vua Minh Mạng tự đặt ra một lễ ôm gối (bảo tất lễ) và gán cho vua Quang Trung hành lễ này khi sang gặp vua Thanh. Xem: Nguyễn Duy Chính, “Những nghi vấn lịch sử triều Quang Trung: Bảo kiến hay bảo tất?”, *Núi xanh nay vẫn đó* (TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), 263-294.

<sup>2</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* [tập 4], đệ Nhị kỷ, quyển CLIII: “Thực lục về Thánh tổ Nhân hoàng đế”, bản dịch Viện Sử học, (Hà Nội: Giáo Dục, 2004), 662. Xem nguyên văn chữ Hán kèm theo.

Huệ như một người trong nhà tù xa trở về. Tuy không nói rõ, chính các sứ thần Triều Tiên cũng không biết là lễ gì nhưng dựa vào đó mà họ cho rằng đây là việc Nguyễn Huệ sang Bắc Kinh để được phong vương và nhằm phá vỡ đoàn Quang Trung với phái đoàn Nguyễn Quang Hiến.

Về tài liệu liên quan đến thuyết giả vương, tác giả nhắc đến chi tiết do John Barrow ghi nhận khi ghé Đàng Trong. Đó là một võ tướng thay mặt Nguyễn Huệ sang Trung Hoa và khi về nước thì viên tướng này và tất cả phái đoàn đã bị Nguyễn Huệ giết sạch.

Chưa nói đến việc khi phái đoàn Anh ghé Tourane, họ không thể có thì giờ để thu thập những tin đồn, nhất là thời gian cuốn *A Voyage to Cochinchina* được ấn hành lần đầu là năm 1806 - tức dưới triều Nguyễn khi nhà Tây Sơn đã bị diệt - nên có thể những chi tiết này chưa hẳn đã thu thập từ Tourane mà ở một nơi khác, hay sớm nhất cũng từ những nhà truyền giáo ở Quảng Đông là những người họ có thể trực tiếp trao đổi bằng tiếng Âu châu mà không phải qua thông dịch. Những tin tức mà các nhà truyền giáo thu thập được chủ yếu là tình hình chính trị, quân sự, kinh tế để theo đó mà họ lượng định và đưa ra sách lược truyền bá đức tin.



Đại Nam thực lục về lễ biao tất của vua Minh Mạng

Việc giết người bịt miệng mà Barrow nêu ra không hề được một nhân chứng nào khác nhắc đến. Tất cả những nhân vật hàng đầu trong phái đoàn mà chúng ta được biết đều còn sống và hoàn toàn bình an, thậm chí quản thúc, giam cầm cũng không. Và lại giết người diệt khẩu thì không thể không loan truyền ra thân nhân, họ hàng, làng xã để trở thành một đại án không thể che dấu được.

Lịch sử triều đại Tây Sơn chỉ được ghi chép rất muộn, ít ra cũng phải đến cuối đời Minh Mạng. Sử quan triều Nguyễn nếu nghiên cứu thì sẽ chọn viết về bản triều hơn là về đối phương và vì tình trạng huỷ diệt tài liệu nên tài liệu gốc hầu như không còn mà chỉ còn những bản sao hay tin tức ngoại sử. Ngay cả khi viết về hành trạng của vua Gia Long thì vua Minh Mạng phải sai các quan đã từng đi theo chúa Nguyễn lưu lạc hồi ức và chép lại về cha mình. Vì tình trạng học thức kém cỏi của các võ quan, việc này lại thực hiện rất trễ (đời Minh Mạng) nên số “hồi ký lịch sử” thu thập được rất ít nhất là sau khi sự việc xảy ra đến ba, bốn chục năm nên hầu hết những người trực tiếp tham gia đều đã qua đời. Ngay cả *Đại Nam thực lục tiền biên* và *Đại Nam thực lục* (đệ Nhất kỷ) cũng chẳng nên tin tất cả, khi đối chiếu với những tài liệu đồng thời của những quốc gia khác, cùng sự việc mà sử nước ta chệnh lệch đến hàng năm hay hàng thập kỷ.

Về chi tiết một võ tướng bị giết chúng ta có thể liên tưởng đến những tranh chấp nội bộ sau khi vua Quang Trung qua đời, vua Cảnh Thịnh lên nối ngôi, vì hiềm khích nên Ngô Văn Sở bị giết cùng với gia đình Bùi Đắc Tuyên. Việc Ngô Văn Sở bị giết xảy ra sau khi phái đoàn Anh ghé Đàng Trong nên cái tin đồn này chưa hẳn Barrow biết được khi ở Tourane năm 1793 như tường thuật mà được thêm vào trước khi sách xuất bản tại London năm 1806. Vì Ngô Văn Sở trông coi quân sự miền Bắc nên khi ông đi cùng phái đoàn sang Trung Hoa thì tại miền Bắc thấy vắng mặt ông nên đã dấy lên nghi ngờ ông là người đi thay (Ngô Văn Sở còn có tên Ngô Hồng Chấn hay Tư Mã Chấn, Nguyễn [Hữu] Chấn) và cái chết của ông trở thành giết người bịt miệng.

Về phát biểu của vua Minh Mạng trong *Ngự chế thi* thì mâu thuẫn trong sử triều Nguyễn rất nhiều không thể ghi chép hết, cùng một việc chép ở nơi này khác với chỗ kia. Riêng về người sang Trung Hoa, vua Minh Mạng tán đồng thuyết giả vương - không phải vì sự thật lịch sử mà vì một mặc cảm chính trị. Ông luôn luôn cảm thấy vị thế của triều đại mình không được Trung Hoa coi trọng như triều Tây Sơn nên bằng nhiều cách đim đối phương xuống. Những nỗ lực mà sau này được nhiều sử gia ca tụng về tài trị nước của ông thực sự chỉ là bản sao của Thanh triều ở một qui mô nhỏ hơn, có khi vụng về và thiếu hẳn ý nghĩa nguyên thủy.

Chính vua Minh Mạng là người đặt ra cái lễ gọi là lễ bão tất để tiếp đón các tướng thắng trận trở về mà ông “*coi họ như các hoàng tử được vui về dưới gót*” mặc dù lúc đó ông mới ngoài bốn mươi, tướng lãnh có người đã ngoài bảy mươi. Ông cũng bắt chước nhiều điển lệ của nhà Thanh chẳng hạn ban ngự tửu cho tướng lãnh mà không biết rằng đó là tập



tục của dân du mục khi trời giá rét, chẳng liên quan gì đến nước ta cả. Cái việc Đông Thi giả nhân mặt không phải không đưa đến ác cảm từ phía Trung Hoa, điển hình là cuối đời Minh Mạng, khi sứ thần Việt Nam sang triều cống, sứ bộ đã bị xếp hàng sau cả Lưu Cầu, Nam Chuông là những nước nhỏ hơn nước ta.

Trong bang giao với nhà Thanh, sự rẻ rúng của họ cũng là một trong những lý do vua Minh Mạng luôn luôn dè bủ và chê trách tiền triều, đưa đến việc sửa đổi chi tiết lịch sử. Ông cũng là người chịu trách nhiệm to lớn nhất trong việc hủy hoại tài liệu đời Tây Sơn. Sự thật về chuyến đi của vua Quang Trung sẽ không bao giờ có thể được tái hiện nếu chúng ta không được đọc nhiều tài liệu gốc trong văn khố của Trung Hoa.

### **Mâu thuẫn Thanh - Tây Sơn, một hư cấu không có thực**

Gần như toàn bộ miêu tả về triều Tây Sơn trong sử nhà Nguyễn đều dựa trên một định đề bất biến: Tây Sơn và nhà Thanh có những hiềm khích không thể hóa giải, nếu có những thái độ hòa hoãn cũng chỉ là bề ngoài. Việc miêu tả sự hòa hoãn của hai bên chỉ đều là trí trá, một đằng giả vờ thân phục, một đằng làm như không biết. Thực tế đó có thể phát xuất chính từ thái độ của triều Nguyễn, chủ yếu là thời kỳ Minh Mạng, và từ chính thái độ cao ngạo của Nguyễn Phúc Hiểu [tên vua Minh Mạng] nên ông bị nhà Thanh coi thường. Ông một mặt bắt chước nhà Thanh từng chi tiết để tự biến thành một con rồng nhỏ, nhưng mặt khác lại cho rằng mình mới là người kế thừa văn hóa trung nguyên, tự coi mình là Hán nhân, gọi nhà Thanh là Thanh nhân theo cách người Trung Hoa gọi các nước *di địch* (Tartars). Thế nhưng cũng vì một mặt coi thường nhà Thanh đã thua Tây Sơn, mặt khác lại muốn giống họ đến từng chi tiết khiến cho việc đánh giá triều Tây Sơn của nhà Nguyễn nhiều điểm không ăn khớp. Việc dựng lên một giả vương nhập cận chính là một mũi tên bắn cả hai con chim, vừa nói lên sự trí trá của Nguyễn Huệ, vừa thể hiện được sự nhút nhát, biết mà giả vờ như không của nhà Thanh. Muốn cho sự việc thêm đáng tin, triều Nguyễn cũng gán cho Phúc Khang An một viên quan có tư cách hèn hạ như trong *Liệt truyện* và *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Tình hình thực tế và những biến chuyển đưa đến chấm dứt phân tranh Đàng Trong - Đàng Ngoài là một chuỗi dài phức tạp. Chúa Trịnh mất toàn bộ số quân tinh nhuệ khi đem quân vào đánh Phú Xuân, Bắc Hà nay trở thành một vùng đất không còn sức kháng cự. Quân Tây Sơn nhân danh phù Lê nhanh chóng đánh tan quân chúa Trịnh rồi tiêu diệt tất cả những thổ hào. Cái chết của cha con Bằng Quận công Nguyễn Hữu Chỉnh chặt đứt chỗ dựa sau cùng của miền bắc. Mâu thuẫn giữa triều đình nhà Lê và Tây Sơn đưa đến việc nhiều lần Nguyễn Huệ đem quân ra vào như chỗ không người.

Vào thế kỷ XIV, khi đất Quảng Nam còn là một tiểu quốc riêng biệt có tên theo Trung Hoa là Chiêm Thành thì nhiều lần họ đã quân xâm lăng mà hậu quả là Thăng Long bị tàn

phá, các kho tàng bị cướp bóc. Như bất cứ đoàn quân ngoại nhập nào - nhất là những toán thổ binh xung trận - thường rất hung hãn, hiếu sát nên luôn luôn là những đe dọa khủng khiếp cho người dân đồng bằng. Những đoàn quân được khoác áo khởi nghĩa cuối thời Minh, hay những hình ảnh được tô vẽ cho các đạo quân “*phản Thanh*” cũng đều thế cả.<sup>1</sup> Do đó, quân Tây Sơn dưới mắt người Bắc Hà không gây được thiện cảm. Họ được gọi là Man binh, sinh hoạt, tập quán, ngôn ngữ cũng đều khác hẳn dân bản địa.

Trong dự tính của anh em Nguyễn Nhạc, họ chỉ muốn tách rời ra khỏi cái bóng ma từ miền bắc, thoát khỏi phương thức trên vua dưới chúa. Trong mấy trăm năm qua, tuy là hai khu vực riêng biệt nhưng miền nam vẫn phải ở dưới “*ô dù*” nhà Lê khi giao thiệp, buôn bán với bên ngoài, nhân danh là một vùng đất Quảng Nam thuộc vua Lê. Mãi tới khi Nguyễn Phúc Ánh chiếm được gần như toàn bộ lãnh thổ và thực tế nhà Lê không còn nữa, cái bóng ma đó mới thoát hẳn.

Sau khi dùng binh thất bại, nhà Thanh tìm cách tái lập hòa bình với Tây Sơn. Nếu Nguyễn Huệ chịu rút quân về trả lại nước cho vua Lê tách riêng thành An Nam ở trên, Quảng Nam ở dưới (như Chiêm Thành thời Minh) thì toàn bộ chính sách phiên thuộc của nhà Thanh ở phía nam phải thay đổi. Đó là chưa kể nếu anh em Nguyễn Nhạc - Nguyễn Huệ không thần phục, cuộc chiến sẽ chỉ là mở đầu một tranh chấp mới. Dù có thành công trong việc tái lập triều Lê thì nhà Thanh phải bảo trợ cho một triều đình non trẻ, tốn phí sẽ gia tăng gấp bội mà mục tiêu lập một chiến công để thăng tiến của Tôn Sĩ Nghị lại càng xa vời vì ông ta không còn là nguyên nhung được nữa. Còn nếu như vua Càn Long chiếm lấy miền bắc, ông không những vi phạm đạo nghĩa tông phiên mà có thể sa lầy vào một cuộc chiến dai dẳng, hao binh tổn tướng không khác gì ở Miến Điện là kinh nghiệm ông không muốn tái phạm. Do đó kế hoạch hi sinh nhà Lê là kế hoạch khả thi hơn cả nên vua Càn Long lấy lý do “*thiên ým Lê thị*” (trời đã ghét bỏ nhà Lê) để công nhận Tây Sơn và sắp đặt để Nguyễn Huệ thay vua Lê sang triều cận.

### **Ám trợ của nhà Thanh**

Khi nêu lên những giúp đỡ (ngâm hay công khai) của nhà Thanh giúp cho triều đình Tây Sơn sớm ổn định và loại trừ được những e ngại về những nhóm chống đối nhiều người có thể không tin là thực. Tuy nhiên việc trợ giúp đó đều có thực và nhắm vào những lo ngại cụ thể mà triều đại Quang Trung đang hết sức quan tâm:

Thứ nhất, lo ngại một kế điệu hổ ly sơn, một khi Nguyễn Huệ ra khỏi nước thì nhà Thanh và các lực lượng thân Lê sẽ nhất tề nổi dậy lấy lại nước.

<sup>1</sup> Chẳng hạn Trịnh Thành Công được miêu tả như một trung thần phản Thanh, nhưng thực ra ông là con lai (mẹ ông là người Nhật) và là lãnh tụ cướp biển trước khi phò Minh.

Thứ hai, việc một ông vua Việt Nam sang Trung Hoa triều cận là lần đầu tiên trong lịch sử không khởi hạ thấp quốc thể và đàm tiếu của người sau.

Để giải tỏa áp lực về những nguy cơ quân sự một khi phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa, tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An và thuộc hạ đã bố trí ba mặt trận chính trị sau đây:

- Mật báo cho Tây Sơn những tin tức về các nhóm thân Lê còn ở dọc biên giới, chủ yếu là các căn cứ ở Bảo Lạc, Thái Nguyên nơi có ông Hoàng Ba Lê Duy Chỉ được những bộ lạc thiểu số giúp đỡ. Phúc Khang An đã sai người sang liên lạc với một số tướng lĩnh Tây Sơn, chủ yếu là Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân để cung cấp tin tức về thực lực của các nhóm này. Nhà Thanh cũng cho quân Tây Sơn mượn đường đi vòng sang Quảng Tây rồi đánh úp khiến cho lực lượng thân Lê hoàn toàn tan rã. Lê Duy Chỉ bị hại.<sup>1</sup>

- Phúc Khang An sai em họ Lê Quỳnh bí mật về nước nhắn các thủ lĩnh Cần Vương (chủ yếu là thân nhân vua Chiêu Thống đang tổ chức lực lượng ở Bắc Ninh để một khi quân Thanh kéo sang lần thứ hai thì họ sẽ nổi dậy hưởng ứng) sang Trung Hoa bàn quốc sự - một từ ngữ muốn hiểu sao cũng được. Một phái đoàn gồm 30 người nghe lời dụ dỗ đã vượt núi sang Quảng Tây và bị giam lỏng tại đó. Họ chẳng được gặp vua Lê mà cũng chẳng được gặp Phúc Khang An như mong đợi ngoài việc dụ dỗ cắt tóc đổi y phục sang kiểu nhà Thanh để ở lại Trung Hoa cho tới hết đời.

- Thứ ba, Phúc Khang An theo lệnh vua Càn Long bắt tất cả những người theo vua Lê sang Trung Hoa nhất loạt cắt tóc và đổi y phục, kể cả vua Chiêu Thống. Khi mọi việc đã an bài, họ đưa phái đoàn Nguyễn Quang Hiến đến xem nơi ăn chốn ở của gia đình vua Lê để khẳng định nhà Thanh không có ý định đưa Lê Duy Kỳ về phục quốc. Phúc Khang An cũng yêu cầu Nguyễn Quang Hiến sai người về nước cầm sang một tờ biểu mới khẳng định vua Quang Trung sẽ sang Bắc Kinh vào năm sau theo đúng như kịch bản của vua Càn Long. Lá thư này là một giao ước giấy trắng mực đen mà sau này Nguyễn Huệ sẽ không thể phủ nhận.

Ba việc trên đây đều được thi hành đúng như Phúc Khang An đã an bài và cũng chính là những bảo đảm mà nhà Thanh trợ giúp cho Tây Sơn trong việc bình định quốc nội, cắt đứt mọi nhen nhúm của nhóm thân Lê trông mong vào một cuộc động binh lần thứ hai để lấy lại nước.

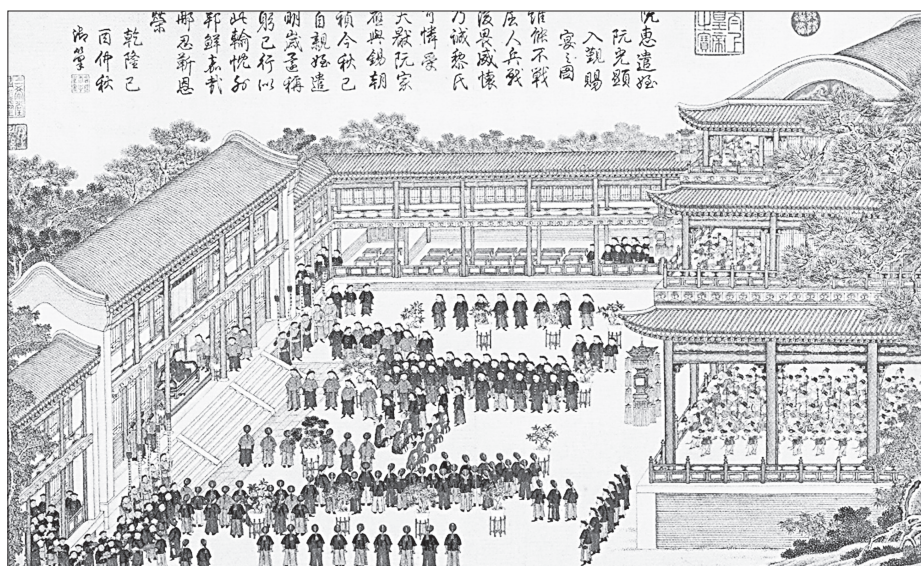
Về việc e ngại việc vua Quang Trung sang Trung Hoa như một hình thức bị khuất phục thì nhà Thanh đã tìm cách thay đổi cách nhìn về vấn đề này. Trước đây, khi muốn từ chối việc đích thân sang cầu phong, nước ta phải triều cống một người giả đúc bằng vàng (*đại thân kim nhân*) đưa sang Trung Hoa. Tuy nhiên nếu như triều đình Tây Sơn có

<sup>1</sup> Xem: *Lịch triều tạp ký*, quyển 6, Nguyễn Duy Chính dịch (chưa xuất bản).

nhượng bộ mà chấp thuận thì thời gian cũng mất hàng năm, lỡ chuyến đi tham dự Bát Tuần Khánh Thọ.

Chính trong giai đoạn gấp rút này, Phúc Khang An đã đề nghị một giải pháp mới vừa thích hợp cho hoàn cảnh thực tế mà lại không làm cho nước ta bẽ mặt. Đó là đưa một thân thần thay mặt quốc vương sang Trung Hoa cầu phong.<sup>1</sup> Cái lối nói “*tuy người trong họ nhưng chẳng khác gì quốc vương*” đã khiến trong nghi lễ ngoại giao một người bằng xương bằng thịt thay cho người vàng mà cả hai bên đều hài lòng. Chính vua Càn Long trong một bài thơ cũng nói rằng việc nhà Minh đòi hỏi cống người vàng thật đáng trách.

Việc đón tiếp rầm rộ phái đoàn Nguyễn Quang Hiển trên suốt các chặng đường đi không những tạo cho họ niềm tin vào sự thành thực của Thanh triều mà còn là một khúc dạo đầu để phái đoàn Quang Trung thêm yên tâm. Tuy có những trục trặc lúc cuối (vua Quang Trung có tang mẹ) khiến ông phải nhiều lần xin được cho con là Nguyễn Quang Thùy đi thay nhưng nhà Thanh không chấp thuận một giải pháp khác không như ý.



*Nguyễn Huệ khiến điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yến chi đồ*  
**Nguồn: Thanh sử đồ điển (Càn Long triều)<sup>2</sup>**

Việc Nguyễn Huệ được chọn làm vua của An Nam không phải vì Phúc Khang An sợ Nguyễn Huệ như sử Việt Nam thù dật, cũng không phải muốn có một phương nam yên ổn để nam bắc chấm dứt binh đao mà là “*thay ngựa giữa giò*”. Trước đây Lê Duy Kỳ [tức

<sup>1</sup> Thực ra trước đây khi phong vương cho vua Chiêu Thống thì nhà Thanh đã có một giải pháp là Lê Duy Kỳ sẽ sai hoàng đệ Lê Duy Chỉ sang tạ ơn, nay đổi thành Nguyễn Quang Hiển sang cầu phong và nhận sắc ấn.

<sup>2</sup> Chu Thành Như [朱诚如] (chủ biên), *Thanh sử đồ điển* [清史图典]. “Thanh triều thông sử đồ lục” [清朝通史图录], 12 卷, (Bắc Kinh: Tử Cấm Thành xuất bản xã [北京: 紫禁城出版社], 2002).

vua Chiêu Thống] đã tự nguyện sang tham dự kỳ Bát tuần khánh thọ, nay Nguyễn Huệ cũng sẽ vui lòng đi theo con đường đó. Việc cắt chân cho vừa với chiếc giường tuy không dễ dàng nhưng trong hoàn cảnh thực tế thì lại là kế hoạch dễ thực hiện hơn cả. Được công nhận là An Nam quốc vương thật ngoài mong đợi của vua Quang Trung nên triều đình Tây Sơn hẳn không biết nhà Thanh đang giương cái bẫy gì. Có lẽ vì không biết cái giao ước của vua Chiêu Thống trước đây nên triều đình Tây Sơn sợ rằng đây chỉ là cái kế để dụ Nguyễn Huệ ra khỏi nước.

Để cho vua Quang Trung tin rằng không có gì trá Ngụy, nhà Thanh đã dựng thêm một hình thức trung gian vừa để phô trương đồng thời giúp cho Tây Sơn có cơ đưa một phái đoàn tiền sát sang kiểm chứng những gì nhà Thanh đã hứa. Nguyễn Quang Hiển trên đường mang biểu lên Yên Kinh đã được dẫn vòng qua Quế Lâm để chứng kiến nơi trú ngụ của gia đình vua Lê. Họ chính mắt trông thấy Lê Duy Kỳ và toàn thể những người đi theo đã cắt tóc thay đổi y phục (thể phát cải phục) thành người dân nhà Thanh, không còn liên quan gì đến An Nam nữa. **Phúc Khang An cũng ép phái đoàn Tây Sơn phải viết thư về Thăng Long nói rõ mọi việc và xác định trên tờ biểu cầu phong rằng vua Quang Trung sẽ đích thân sang Trung Hoa vào năm sau chứ không thể chỉ nói trống không “khi nào đất nước tạm yên sẽ sang triều cận”, một lời hứa ai hiểu sao cũng được.**

Chuyến đi của Nguyễn Quang Hiển nay không đơn thuần là một phái bộ cầu phong như những lần khác trong lịch sử. Lấy cớ đây là một “*thân thân*” thay mặt nhưng chẳng khác gì Nguyễn Huệ đích thân sang (*tuy đại do thân*), ông được tiếp đãi vượt xa một sứ bộ bình thường, vào triều kiến vua Càn Long ở Nhiệt Hà và đãi yến ở Quan Âm Các. Việc được gặp hoàng đế ở Nhiệt Hà là một đặc ân vì Tị Thủ sơn trang là Âm Kinh, nơi vua Càn Long tổ chức những phong tục và vui chơi hàng năm theo cách của người quan ngoại mà chỉ các vương công Mông Cổ, Hồi Hột mới được tham gia. Đây là một “*cách ngoại gia ân*” (ưu đãi vượt mực) và bức tranh *Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yến* là bức họa sau cùng trong bộ tranh *An Nam chiến đồ* ghi nhận sự việc triều đình Tây Sơn được công nhận.

Sau khi triều yết, phái đoàn Nguyễn Quang Hiển trở về Bắc Kinh được hai đại thần lưu thủ kinh đô (người thay mặt nhà vua ở lại kinh đô giải quyết mọi việc) là A Quế và Kê Hoàng thi hành đại lễ trao sắc ấn tại điện Thái Hòa. Điện Thái Hòa là điện lớn nhất trong Tử Cấm Thành, là nơi hoàng đế thiết triều nên việc hai lưu thủ đại thần trao sắc ấn dưới ngai vàng cũng không khác gì đích thân nhà vua chứng kiến.

Vào thời kỳ này, việc thông tin giữa Trung Hoa và Việt Nam hầu như bất khả. Sau khi Nguyễn Quang Hiển ra khỏi Nam Quan, những gì triều đình Tây Sơn nghe được về phái đoàn cầu phong chỉ trông vào thông tin ít ỏi qua những thư từ hành chánh của các quan lại nhà Thanh. Do đó toàn bộ những gì xảy ra trong chuyến đi này chỉ là một bức tường câm lặng đưa đến nhiều suy đoán mà triều đình Quang Trung phải cảnh giác. Nhiều tin đồn về

nhân thân Nguyễn Quang Hiến được loan truyền mà về sau chính Lê Quynh đã tố cáo với Phúc Khang An rằng y chỉ là một người giả mạo họ Văn đưa đến những hoang mang trong nước. Cũng nên thêm thời gian từ Bắc Kinh đến Nam Quan để Nguyễn Quang Hiến cầm sắc ấn về không phải ít. Ngay cả trong đại lễ phong vương ở Thăng Long cũng không có sắc ấn thật như tín vật để trao lại cho vua Quang Trung. Việc phong vương mà không kèm sắc ấn tạo hoang mang, đồn đoán và suy luận theo nhiều hướng, cũng có thể chính là lý do mà triều đình An Nam trì hoãn để đợi phái đoàn Nguyễn Quang Hiến về nước.

Theo tài liệu, vua Quang Trung thụ phong ngày 15 tháng Mười năm Kỷ Dậu nhưng mãi đến ngày 12 tháng Chạp thì phái đoàn Nguyễn Quang Hiến mới về đến Nam Quan. Trong khoảng hai tháng (15 tháng Mười đến cuối tháng Chạp) triều đình Tây Sơn không có ấn quốc vương.

### Chuyến đi vô tiền khoáng hậu

Tuy có nhiều e ngại cho triều đình Tây Sơn về kế điều hổ ly sơn mà nhà Thanh có thể áp dụng khiến cho nảy sinh nhiều tranh cãi. Theo bài Tựa của Trần Bá Lãm viết cho bộ *Tinh tra kỷ hành* thì sau nhiều lần nghị luận, cuối cùng triều đình thông qua việc vua Quang Trung sẽ đích thân sang Trung Hoa. Việc chấp thuận này vào thời điểm nào không có tài liệu chính thức nhưng chúng ta có thể đoán được vào khoảng cuối tháng Năm [nhuận] năm Kỷ Dậu là lúc Nguyễn Quang Hiến đến Quế Lâm được nhìn tận mắt gia đình vua Lê đã cạo đầu và mặc y phục nhà Thanh. Phúc Khang An khi đó lấy cơ báo tin cho vua Quang Trung để yêu cầu gửi thư về nước do vệ úy Hồ Văn Tông cầm đi nhưng thực chất là y chưa hài lòng với tờ biểu mà Nguyễn Quang Hiến cầm sang nên đây là lúc bắt triều đình Tây Sơn xác nhận trên giấy trắng mực đen chuyện bằng lòng sang Trung Hoa. **Như vậy việc đình luận để có quyết định tối hậu là khoảng cuối tháng Năm [nhuận] để kịp đem tờ biểu đã sửa lại đuổi theo giao lại cho phái đoàn Nguyễn Quang Hiến mang lên Bắc Kinh.** Cũng vì cam kết này mà các văn quan đã nhiều lần tự hào về việc nước ta đã giữ được trung (với vua nhà Thanh) và tín (giữ điều đã hứa). Cái lấn cấn sau cùng là việc mẹ vua Quang Trung qua đời khiến ông đã xin đưa con đi thay nhưng nhà Thanh không chịu. Trên đường đi nhiều lần Nguyễn Huệ lấy cơ đang có tang mà từ chối tham dự những buổi yến tiệc vui chơi mà quan lại nhà Thanh tổ chức.

Khi tìm hiểu về những người có thể đóng vai vua Quang Trung để sang Trung Hoa nhằm củng cố quan điểm giả vương, tác giả Thành Tư Giai đã có gắng chia ra thành nhiều loại mục, từ sự khác biệt về tên người đến liên hệ giữa người đó với Nguyễn Huệ và ông khá lúng túng khi phải đưa ra một chọn lựa dứt khoát. Việc phân tích đó tưởng như có vẻ khoa học nhưng thực sự không có câu trả lời - hay nói khác hơn - một kết luận bông bênh ai muốn hiểu sao cũng được.

Vậy thì vấn đề chính yếu ở đâu mà có?

Những nhà nghiên cứu về thuyết giả vương đã không đi cho trọn con đường tìm hiểu về giao thiệp giữa Trung Hoa và Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, tình hình thực tế lúc đó như thế nào?

*Bản chất thích phô trương hình thức của vua Càn Long và những tiến triển trong giao thiệp giữa hai triều đình.*

Việc can thiệp vào nội tình Việt Nam nhân danh vai trò tông chủ (đi lại vết xe dưới thời Minh để xâm chiếm đất đai) tuy lúc đầu bản chất cũng tương tự nhưng khi tiến hành lại nảy sinh ra những nhu cầu mới.

Ngay từ đầu, Tôn Sĩ Nghị đã mật tấu lên vua Càn Long khi xong việc sẽ đòi nhà Lê cắt một mảnh đất - tuy có thể không phải toàn bộ Bắc Hà nhưng cũng một phần tùy theo tình hình. Chính vua Càn Long đã xác định chi tiết đó trong chú thích một bài thơ mà chúng ta còn có thể tìm thấy được. Tuy nhiên, có lẽ vì thấy rằng "*lợi kỳ thố địa*" là điều không nên làm vì chỉ đi lại những bước đi của tiền triều (Minh) trong khi có thể khai thác dưới những khía cạnh khác đáng kể hơn. Đó là yêu cầu An Nam quốc vương - là người mà chính tay nhà Thanh dựng lên - tình nguyện sang tham dự lễ Bát tuần khánh thọ vào năm Canh Tuất để cho buổi hội nghị chư vương các thuộc quốc - thêm phần hoàn chỉnh.

Nguyên nhà Thanh hàng năm vẫn có những đại lễ mà chư vương của các khu vực tự trị phía bắc đến tham dự. Nói là các vương nhưng đúng ra là lãnh tụ các sắc tộc Mông Cổ và Hồi Hột ở phía bắc có liên hệ chủng tộc và hôn nhân với nhà Thanh nên được coi như nanh vuốt của triều đình. Những tiểu vương này, dưới quyền quản trị của Lý Phiên Viện, được ban ấn vàng và dự yến với nhà vua ngang với các thân vương nhà Thanh. Những nghi lễ đó kèm theo những vui chơi của quan ngoại tổ chức tại Nhiệt Hà mà các phiên thuộc khác không được tham dự. Hiểu rõ qui chế và lễ nghi nhà Thanh, chúng ta mới thấy được tình hình giai đoạn đó như thế nào mà lượng giá tình hình cho chính xác.

Trở lại việc can thiệp của Trung Hoa vào Đại Việt, nhà Thanh đánh giá quân Tây Sơn chỉ là bọn "*cuồng khấu*" từ Quảng Nam đi ra, một khi đánh đuổi được họ thì với uy thế của nhà Thanh, mọi sự sẽ quay trở lại như cũ. Khi ấy vua Lê, từ một vương tôn vong gia thất thổ nay lại có được ngai vàng, sẽ ngoan ngoãn làm theo những gì nhà Thanh đòi hỏi. Ngay sau khi được phong vương, vua Chiêu Thống đã tình nguyện [thực ra là theo đúng chủ trương mà vua Càn Long và Tôn Sĩ Nghị tính toán] xin được năm Kỷ Dậu sẽ sai hoàng đệ Lê Duy Chỉ sang cầu phong rồi đến năm Canh Tuất [tức năm lễ Bát tuần khánh thọ] thì đích thân ông sang triều cận tạ ơn. Ông còn đi thêm một bước tình nguyện học tiếng Trung Hoa để trực tiếp trả lời những câu hỏi của vua Càn Long mà không cần thông dịch.

Với những an bài chu đáo như thế, việc đem quân sang nước ta gần như hoàn toàn phù hợp với thánh ý của vua Càn Long. Ông được coi như người hoạch định và chỉ huy

chiến dịch - tuy không trực tiếp nhưng Tôn Sĩ Nghị biết cách làm quan nên thắng lợi nhỏ cũng phóng đại thành to và luôn luôn nói rằng sở dĩ thành công là nhờ biết nghe theo hoàng thượng, tuy ở ngoài nghìn dặm nhưng mọi việc chẳng khác gì ở trong bàn tay. Có thể nói, để thắng lợi thêm hoàn thiện, vua Càn Long đã đẩy công suất của hai hệ thống cốt yếu trong chiến dịch lên tới mức tối đa. Hệ thống truyền tin ông dùng *hỏa tốc* (600 dặm/ngày) và *hỏa tốc gia khẩn* (> 600 dặm/ngày) là tốc độ chạy ngựa nhanh nhất trong đế chế Trung Hoa, để ra chỉ thị hầu như mỗi ngày cho Tôn Sĩ Nghị và các tỉnh tây nam. Về hậu cần, ông ra lệnh cho Tôn Vĩnh Thanh và Phú Cương phải thiết lập lương trạm sao cho lúc nào cũng bảo đảm đủ dùng cho quân đội trong ba tháng. Không thể tự phong hay ban thưởng cho chính mình, ngay khi vừa đến sông Phú Lương, Tôn Sĩ Nghị đã được vua Càn Long tấn phong lên *Nhất đẳng mưu dũng công*, chỏm mũ bảo thạch với lông công hai mắt, có thể nói là tột cùng cho một văn quan người Hán.

Sự việc thay đổi ngoài dự tính khi Tôn Sĩ Nghị bại trận quay về, mọi việc quá nhanh chóng đến nỗi vua Càn Long hầu như bị tê liệt không còn biết làm gì ngoài việc ra lệnh cho các tỉnh tây nam củng cố biên phòng để ngăn chặn quân Tây Sơn đánh qua.

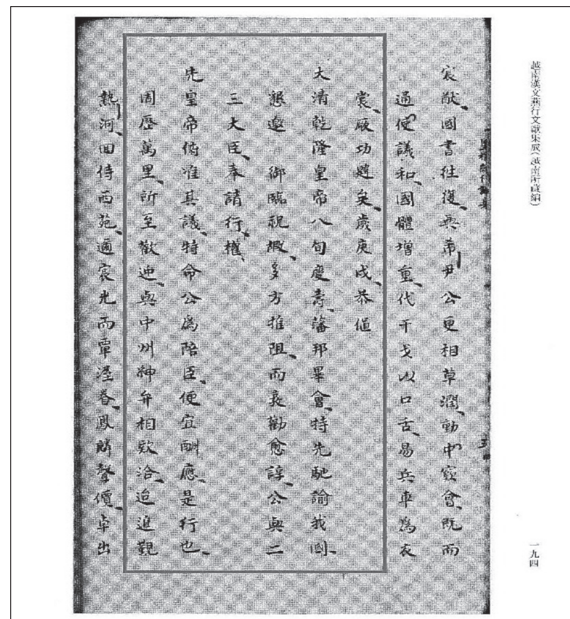
Trong khi đó quan lại nhà Thanh ở Quảng Tây lập tức tìm cách liên lạc với triều đình Tây Sơn để đề nghị một giải pháp hoà hoãn qua một kịch bản mới để nhà Thanh khỏi mất mặt. Đó là giải thích rằng việc Nguyễn Huệ tiến quân ra không phải để đối phó với quân Thanh mà là để lý luận với Lê Duy Kỳ. Trận đánh chỉ là bất đắc dĩ khi quân Thanh quá dũng mãnh khiến Nguyễn Huệ không thể ngồi yên chứ không có ý kháng cự thiên triều. Triều đình Tây Sơn sẽ làm theo đúng đòi hỏi của nhà Thanh để được công nhận. Những màn kịch được từng bước tiến hành và liên tiếp, từ việc thả các tù binh đến việc gửi biểu xin hoà, lập đền thờ cho các binh sĩ bị tử trận.

Để cho dân chúng đâu đâu cũng biết được việc Việt Nam đã thần phục, nhà Thanh yêu cầu phía Việt Nam đưa một thân thần - theo định nghĩa là một người trong gia tộc họ Nguyễn Quang - thay mặt sang triều kiến vua Càn Long để dâng biểu cầu phong. Đây là một thực hiện có ý nghĩa hết sức trọng đại. Đối với An Nam thì phái đoàn Nguyễn Quang Hiến đã thay thế việc trước đây An Nam phải cống người vàng thay mình, nay một phái đoàn với đầy đủ uy tín và bề thế sẽ nâng cấp cả Trung Hoa lẫn Việt Nam lên một tầm vóc mới. Nguyễn Quang Hiến - cháu gọi Nguyễn Huệ bằng chú, nhưng trên danh nghĩa nhà Tây Sơn thì ông này chính là trưởng tộc hay trưởng chi là người vai vế cao nhất trong họ vì cha ông là anh cả của gia đình nay đã qua đời. Phái đoàn Nguyễn Quang Hiến ngoài nhiệm vụ phô trương cho dân chúng hai nước biết về việc nhà Thanh và Việt Nam nay đã giảng hòa và Tây Sơn được công nhận cũng còn một nhiệm vụ quan trọng không kém là đo lường thiện chí của nhà Thanh nhất là giải tỏa những tin đồn về việc Trung Hoa sẽ thừa cơ Nguyễn Huệ vắng nhà mà kéo đại binh sang đánh lần thứ hai. Phái đoàn Nguyễn Quang Hiến cũng còn xác định Nguyễn Quang Bình (nay đã là quốc vương) là khách mời của



vua Càn Long sang dự lễ Bát tuần khánh thọ chứ không phải sang cầu phong như những tin đồn có ác ý. Chính Ngô Thì Nhậm cũng tiết lộ là đáng lẽ ông được sai đi năm Kỷ Dậu nhưng mãi đến năm Tân Sửu mới được đi.<sup>1</sup>

Chuyến đi sang Trung Hoa cũng chưa từng xảy ra cho một ông vua của An Nam, ra ngoài thông lệ từ nghìn xưa là quốc vương chỉ sai người đại diện, thay mặt mỗi khi có những dịp lễ lớn. Việc thiết tha của nhà Thanh đã gây ra rất nhiều tranh luận trong triều đình Tây Sơn và “*có vẻ như*” phe võ quan thì đồng ý ngược lại phe văn quan thì lại bần khoản.



Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành (6), 194

Tóm tắt các cuộc tranh luận này, Trần Bá Lãm 陳伯覽 đã viết trong bài Tựa cuốn *Tinh tra kỷ hành* 星槎紀行 (thơ văn của Phan Huy Ích trong lần đi cùng với vua Quang Trung) là “Năm Canh Tuất, gặp kỳ đại lễ Bát tuần khánh thọ của vua nhà Đại Thanh Càn Long, các nước phiên đều đổ tới, đặc biệt gửi dụ đến nước ta, khẩn khoản yêu cầu đích thân nhà vua sang chúc hồ. Bên ta nhiều lần từ chối nhưng họ càng thêm thiết tha. Ông [tức Phan Huy Ích] cùng hai ba đại thần xin nhà vua nên hành quyền. Tiên hoàng đế thuận theo lời nghị luận, đặc biệt ra lệnh cho ông làm bồi thân để tùy nghi đối đáp.”

歲庚戌. 恭偶大清乾隆皇帝八旬慶壽. 藩邦畢會. 特先馳諭我國. 懇邀御臨祝嘏. 多方推阻. 而敦勸愈諄. 公與二三大臣. 奉請行權. 先皇帝俯准其議. 特命公為陪臣. 便宜酬應.

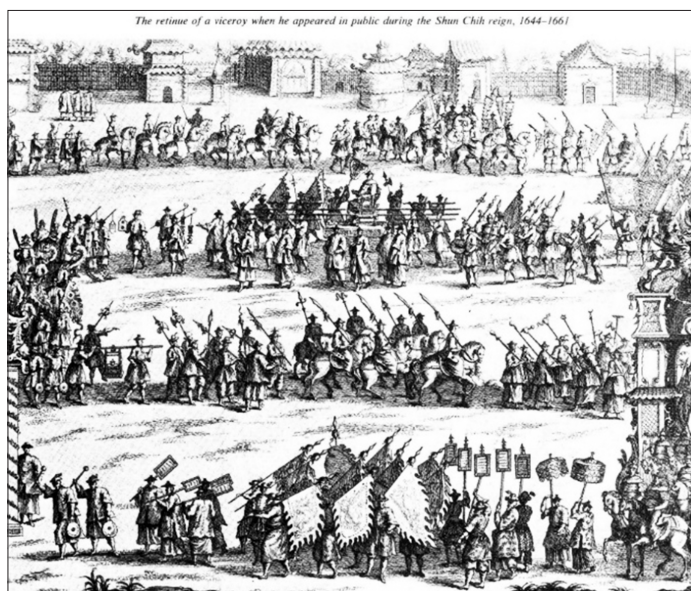
Trong bài văn của Trần Bá Lãm không chỉ ca tụng tài văn chương của ông và những gì ông làm được mà cũng rất hợp cách và chúng ta cũng biết được bài Tựa này được viết sau khi vua Quang Trung đã qua đời nên mới dùng chữ “tiên hoàng đế”.

<sup>1</sup> Xem: *Hoa trình gia ấn*, chú bài thơ “Quá quan lưu tặng Phan Ngự sử (Thụy Nham) Vũ Công bộ (Hạo Trạch) Ngô Hiệp trấn (Vi Quý)”, Nhị thủ.

Hành quyền theo nghĩa là làm một việc không theo lẽ thường. Ấy cũng vì trong nước dấy lên tranh luận là từ xưa đến nay vua An Nam chưa bao giờ sang Trung Hoa triều cận cả nên nay các đại thần xin phá lệ đó để xin nhà vua đi sang. Có như thế việc Phan Huy Ích được cử đi theo làm bồi thân tùy nghi đối đáp mới là một vinh dự đáng ca tụng. Nếu đưa vua giả đi mà vua Quang Trung lại sai hai ông đi cùng thì có khác gì đưa vào chỗ chết. Và lại chính Ngô Văn Sở cũng khẩn khoản xin được đi theo dù nhà Thanh không đồng ý và dụ rằng hãy để kỳ sau hãy đi vì cần người giữ nước nhưng Ngô Văn Sở tâu rằng đã có Phan Văn Lân thay mình lưu thủ nên không có gì đáng ngại. Nhiều lần, khi nhắc đến việc này các nhà nho đều cho rằng chuyến đi là để cho tròn “*trung tín*” nên rất đáng tự hào.

Việc Ngô Văn Sở có mặt cũng nâng tâm vóc phái đoàn nước ta lên một vị trí mới. Ngô Văn Sở không phải chỉ một võ quan bình thường nên chính ông này cũng đã thành một người bị nghi ngờ rằng đóng giả vua Quang Trung. Cái chết của họ Ngô trong cuộc tranh chấp quyền lực sau khi vua Quang Trung qua đời lại càng nêu rõ những xu hướng tranh chấp là đầu mối cho việc giết người diệt khẩu mà người ngoài tưởng tượng ra.

Theo tài liệu nhà Thanh về việc sắp đặt trong chuyến đi này, trên đường bộ dĩ nhiên vua Quang Trung được hưởng mọi lễ bộ, tùy tùng mà cấp bậc thân vương được hưởng. Dưới đây là đoàn tùy tùng theo nghi lễ của một tổng đốc thời Thanh, và Nguyễn Huệ cũng tương đương:



Nghi vệ một tổng đốc nhà Thanh khi ra ngoài

**Nguồn:** William L. Langer, *The New Illustrated Encyclopedia of World History*, 1972, 557

Theo tường thuật của Phan Huy Ích trong bài “Xuất quan” (trong *Tinh tra kỷ hành*) thì “*xe ngựa cò quạt, rực rỡ cả thung lũng*” .

Nguyên văn:

塞北天高六輿均,滿山旗蓋護征塵.  
是行雍睦衣裳會,似我尋常翰墨人.  
鄉國離情駒唱罷,林巒霽色鳥聲頻.  
扶搖九萬纔當瞬,豁度初程眼界新.

Dịch nghĩa:

Trời biên giới phía bắc kiêu sáu người khiêng đều  
Khắp các núi là cờ lọng bảo vệ người đi xa  
Lần này là đi dự hội áo xiêm để gây hòa hiếu  
Còn ta chỉ là là một nho sinh tâm thường [mà cũng được dự]  
Khúc hát xa quê hương đã dứt rồi  
Núi rừng cao rộng chim hót luôn luôn  
Vỗ cánh bay lên cao chỉ trong chớp mắt  
Ra ngoài lần đầu để được mở rộng tâm mắt.<sup>1</sup>

Nhà Thanh cũng sắp xếp những đường thủy thuận tiện cho phái đoàn khởi mỗi mệ và nghi lễ trên sông cũng huy hoàng không kém. Hậu nhân chỉ biết cách sắp đặt mà không có cách gì chứng kiến tận mắt, ngoại trừ liên tưởng theo cách thức mà Thanh triều đón tiếp phái đoàn Macartney hai năm sau để hình dung phái đoàn Quang Trung được tiếp đón long trọng như thế nào.

Theo tài liệu còn để lại, phái đoàn được cung ứng 13 chiếc thuyền lớn bao gồm: *Cảnh Tự hiệu* (1), *Khánh Tự hiệu* (2), *Tinh Tự hiệu* (4), *Vân Tự hiệu* (6).<sup>2</sup>

景字號				Cảnh Tự hiệu
	安南國王	An Nam quốc vương	景字號供應一分	Cung ứng 1 chiếc
慶字號				Khánh Tự hiệu
	員從	Viên tòng	慶字號供應一分	Cung ứng 1 chiếc
雲字號				Vân Tự hiệu
	護衛	Hộ vệ	雲字號供應二分	Cung ứng 2 chiếc

<sup>1</sup> Nguyễn Duy Chính, *Phái đoàn Đại Việt và lễ Bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông*, (TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), 209-210.

<sup>2</sup> Xem: Nguyễn Duy Chính, *Cung ứng phái đoàn Tây Sơn*, Biên khảo, (Chưa xuất bản).

			共四分開單同送 阮藩船分給	Tất cả 4 chiếc giao cho Nguyễn phiên phân cấp
	吳司馬	Ngô Tư Mã	坐船一隻	Toạ thuyền 1 chiếc
	隨人行李	Tùy nhân, hành lý	船一隻	Thuyền 1 chiếc
	備用	Các món cần dùng	船一隻	Thuyền 1 chiếc
	伙食	Đồ nấu ăn	船一隻	Thuyền 1 chiếc
	倒扒		船一隻	Thuyền 1 chiếc
以上共船 五隻		Tổng cộng 5 chiếc		
星字號				Tinh Tụ hiệu
			星字號供應一分	Cung ứng 1 chiếc
雲字號				Vân Tụ hiệu
			雲字號供應一分	Cung ứng 1 chiếc
			共二分開單同送 吳司馬船分給	Tất cả 2 chiếc giao cho Ngô tư mã phân cấp
	潘吏部, 武中書合坐	Phan Lại Bộ, Vũ Trung Thư cùng ngồi	站船一隻	Thuyền 1 chiếc
星字號				Tinh Tụ hiệu
星字號供應 一分	隨人,行李, 伙食	Tùy nhân, hành lý, hoả thực	共船一隻	Cung ứng 1 chiếc
	阮侍郎, 杜禮部	Nguyễn Thị Lang, Đỗ Lễ Bộ	合坐站船一隻	Hai người đi chung 1 chiếc
星字號供應 一分	隨人,行李, 伙食	Tùy nhân, hành lý, đầu bếp	船共一隻	Chung 1 chiếc
慶字號				Khánh Tụ Hiệu
供應一分				Cung ứng 1 chiếc
	參謀, 良醫合坐	Tham mưu, lương y	河船一隻	Ngôi chung thuyền đi sông 1 chiếc
	行人,書寫, 通事	Hành nhân, thư ký, thông sự	河船一隻, 快艇一隻	1 chiếc khoái đĩnh
雲字號				Vân Tụ hiệu
供應一分				Cung ứng 1 chiếc

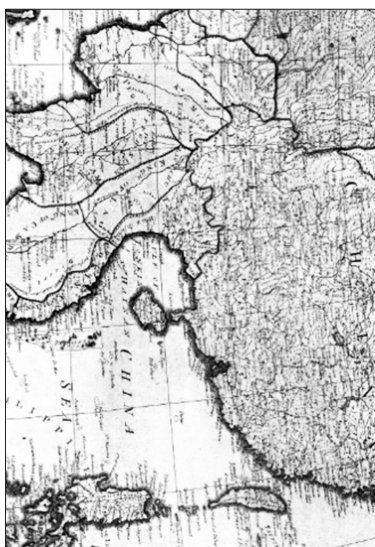
	伶工	Linh công (nhạc công)	河船一隻	1 chiếc thuyền đi sông
		Thuyền chở kiệu	轎船六隻	6 chiếc
雲字號				Vân Tự hiệu
供應一分				Cung ứng 1 chiếc
雲字號				Vân Tự hiệu
供應一分				Cung ứng 1 chiếc
	通事	Thông sự	河船一隻, 快艇一隻	Một chiếc thuyền đi sông, 1 chiếc khoái đĩnh
以上	景字號	Cảnh Tự hiệu	供應一分	Cung ứng 1 chiếc
	星字號	Tinh Tự hiệu	供應四分	Cung ứng 4 phần
	慶字號	Khánh Tự hiệu	供應二分	Cung ứng 2 phần
	雲字號	Vân Tự hiệu	供應六分	Cung ứng 6 phần
			共十三分	Cộng chung 13 thuyền

Mặc dù Nguyễn Huệ chưa hoàn toàn kiểm soát miền Bắc nhưng những áp lực từ bên ngoài cũng chưa thực sự bất lợi. Ở phía Nam, tuy Nguyễn Nhạc vẫn còn thái độ thù nghịch với Nguyễn Huệ nhưng thực lực đã kém đi nhiều nên hành quân xuống Gia Định còn không xong huống chi đem quân ra Bắc. Nguyễn Phúc Ánh thì lực lượng sơ khai, luôn luôn sợ Tây Sơn vào cướp bóc, tàn sát như những lần trước. Mong ước to lớn nhất của chúa Nguyễn trong khoảng thời kỳ này là làm sao có thể chống lại được những trận “giặc mùa” khi quân Tây Sơn ập đến. Việc giáo sĩ Pigneau de Béhaine và con trai ông từ Pháp quay về tuy không có được những viện trợ quân sự như ông mong mỏi, nhưng lại giúp cho ông kiến thức mới để hình thành một tiểu quốc vùng Đồng Nai, Gia Định. Ông cũng chưa dám mạo hiểm gây chiến với Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ vì thực lực còn non trẻ, và vẫn có nỗi sợ ngấm với Tây Sơn. Những xây dựng trong vài năm đầu tiên cho thấy Nguyễn Ánh muốn có được một vương quốc nhỏ vùng Đồng Nai đủ sức để đương đầu với lực lượng từ bên ngoài để tiến tới việc tách rời ra khỏi ảnh hưởng của Xiêm La. Về phía tây, Xiêm La tuy nay đã thành một lực lượng đáng kể nhưng vẫn chủ trương phòng thủ vì chung quanh có nhiều kẻ địch đáng gờm, phía bắc là Miến Điện, phía tây là anh em Nguyễn Nhạc và cũng cần cảnh giác với những thế lực Tây phương (ở Đông Ấn).

Tuy đi xa, nhờ vào hệ thống dịch trạm mà nhà Thanh cho sử dụng, Nguyễn Huệ vẫn nhận được những báo cáo trực tiếp từ ba tiểu kinh đô Thăng Long, Nghệ An và Phú Xuân,

và qua một số thư từ gián lược chúng ta biết có một số bất ổn ở trong nước nhưng không đến nỗi khiến ông phải bỏ dở cuộc hành trình.

Ở miền bắc, Phan Văn Lân đánh tan những nhóm quân nhà Lê toan tập kích Thăng Long. Ở Nghệ An, Nguyễn [Trần] Văn [Quang] Diêu tuy không thắng được các đạo quân Vạn Tượng nhưng cũng không thất bại. Ở Phú Xuân thì hai cánh quân của Nguyễn Nhạc và Nguyễn Quang Toản vẫn cầm chân nhau ở Quảng Nam. Cái tin vua Quang Trung đích thân sang Trung Hoa có thể được loan truyền nhưng cũng bị nhiễu loạn với việc có thể người cầm đầu chỉ là một ông vua giả nên bên nào cũng dè chừng mà không dám vọng động. Khi biết chắc Nguyễn Huệ không có mặt ở trong nước, các nhóm nhà Lê tổ chức một cuộc tấn công xuống Thăng Long nhưng vì lực lượng rời rạc, yếu ớt nên chẳng nên cơm cháo gì.<sup>1</sup>



#### Khu vực Đông Nam Á thế kỷ XVIII

Nguồn: Michael Swift, *Mapping The World*, 2006, 191.

Cũng nên thêm, khi chúa Nguyễn Phúc Ánh lấy lại Phú Xuân sau một cuộc tấn công chớp nhoáng và bất ngờ, ông cũng chưa biết rồi sau này vị thế của mình đối với nhà Thanh sẽ ra sao. Mong ước của ông là tình thế sẽ quay lại thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, hai bên có hai triều đình và thành hai tiểu quốc. Thực tế lúc đó cho thấy khu vực Đông Nam Á gồm nhiều nước nhỏ, biên giới co dãn, liên minh đa phương, các lãnh chúa người nào cũng muốn mình nổi trội để có thể có riêng một bờ cõi. Họ luôn luôn tìm cách bành trướng thế lực và đều muốn đi tắt bằng cách mua bán, trao đổi với các thế lực Tây phương là những quốc gia có trình độ kỹ thuật quân sự cao hơn cả. Hiện tượng đó không liên quan gì đến

<sup>1</sup> Xem: Hoàng Xuân Hãn, “Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập Lữ trung ngâm”, *Tập san Sử Địa*, 21/1971; 22/1971; 25/1973; Nguyễn Duy Chính, *Thư qua lại trên đường Nam Quan - Bắc Kinh của phái đoàn Tây Sơn*, (biên khảo) [chưa xuất bản]

tin thần quốc gia mà người ta mới xây dựng sau này. Xem những bản đồ vào thế kỷ XVIII, Việt Nam thời ấy chỉ là một vùng có sự hiện diện của nhiều thế lực, người nào cũng muốn vươn lên xâm chiếm người kia, đối với thế giới chỉ là một khu vực không đáng chú ý.

Việc chúa Nguyễn muốn xây dựng một quốc gia riêng biệt là một điều không có gì phải thắc mắc. Khi biết được rằng triều đình Tây Sơn không có thù hằn, mâu thuẫn với Trung Hoa như ông tưởng, Nguyễn Ánh đã tìm cách liên lạc với nhà Thanh xin được công nhận nhưng Thanh triều không muốn việc giao thiệp với phương nam trở nên phức tạp hơn nên chỉ “bất động thanh sắc”, không trả lời. Trong đời Gia Long, ông dùng lại tất cả những người đã từng giúp Tây Sơn trong công tác bang giao. Ông tha tội cho Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm và Nguyễn Gia Phan để dùng họ như những chuyên viên liên lạc với phương bắc. Con cháu Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm vẫn được trọng dụng và nhiều lần được giao cho việc đi sứ sang nhà Thanh cho thấy những tin đồn hay bịa đặt về việc ngược đãi họ là không thật. Cũng chưa từng có chi tiết nào cho thấy ngoài mục đích được công nhận, triều đình Gia Long đã khai thác mâu thuẫn Thanh - Tây Sơn xa hơn việc họ mất sắc ấn và sử dụng một số hải phi làm thủ hạ.

Cũng như chính Thành Tư Giai đã nêu ra, các chi tiết về giả vương đều xuất hiện rất trễ, chỉ từ đời Minh Mạng, và được “chỉ đạo” để xuất hiện như một nghi án khiến cho mỗi nơi lại miêu tả thành một giả thuyết khác nhau, phần nhiều lẫn lộn với những người có mặt trong phái đoàn như Phạm Công Trị (Nguyễn [Quang] Thục), Ngô Văn Sở (kể cả cái tên Ngô Hồng Chấn, Tư Mã Chấn hay Nguyễn [Hữu] Chấn. Người ta cũng không biết đến một phái đoàn cũng rất quan trọng là phái đoàn cầu phong Nguyễn Quang Hiến, chỉ đi trước phái đoàn Quang Trung khoảng một năm, đóng vai vừa phô trương, vừa tiền sát để dọn đường cho quyết định sau cùng của triều đình Quang Trung.

Trong một xã hội mà thông tin còn khép kín, những tin đồn được loan truyền phần nhiều được đưa ra để giải thích một vấn đề người ta không hiểu rõ và luôn luôn khuấy động, xuất hiện và biến đi như những lan toả vòng tròn khi một viên sỏi được quăng xuống nước. Chúng ta có thể kết luận rằng từ những tin đồn vu vơ không ai để ý dưới thời Tây Sơn, sang triều Minh Mạng đã được thổi bùng lên - không phải từ quần chúng mà chính từ triều đình - để viết lại lịch sử.

Thuyết giả vương không phải chỉ xuất hiện dưới thời Nguyễn. Theo thời gian, nhiều người cũng còn đưa ra thêm những chứng cứ mới, đặc biệt là từ gia phả. Thực tế, gia phả tuy đôi khi cung cấp một số dữ kiện cá biệt nhưng không phải là luôn luôn đáng tin cậy, nhất là trong những giai đoạn mà chi tiết về gia đình, về dòng họ có thể mang lại những hậu quả bất như ý. Giai đoạn Tây Sơn - Nguyễn là thời kỳ mà một người hôm trước có thể là anh hùng, hôm sau là phản loạn một khi gió đã đổi chiều. Những người có kinh nghiệm về hoàn cảnh thay chủ đổi ngôi đều dễ dàng nhận ra việc ấy.

Về tài liệu đầu tay, cho đến nay ngoài văn khố nhà Thanh, về phía Việt Nam chỉ còn lại một số di văn của những người đã từng làm việc với triều đình Tây Sơn trong giai đoạn có những biến động ngoại giao cần đến tài từ lệnh của họ. Chính những tài liệu này - nhờ tân triều còn cần đến vì chưa có kinh nghiệm ngoại giao với Trung Hoa - nên có may mắn tồn tại trong kho sách một số nhà nho làm việc xuyên-triều-đại để tham khảo nên nay chúng ta còn may mắn đọc được. Đó là bộ *Đại Việt quốc thư*, *Hịch dụ An Nam quốc trấn phủ*, *Bang giao hảo thoại*, *Dụ Am văn tập* là những kho văn thư bổ sung, đôi khi tiết lộ được những mặt trái của vấn đề mà bên ngoài không thể nào biết được:

### *Tái tục bang giao*

Trước khi nhà Thanh can thiệp vào cục diện An Nam, có những biến chuyển lịch sử làm xáo trộn toàn thể miền bắc. Gần đây các sử gia coi việc Tây Sơn ra Bắc là cánh tay vươn dài của nông dân khởi nghĩa, thừa thế quét sạch những thế lực phong kiến từ nam chí bắc. Tuy nhiên, nếu nhìn vào thực tế lúc đó, người dân Bắc Hà chỉ thấy đây là một sự tái hiện hình ảnh của đoàn quân Chiêm Thành cuối đời Trần, việc vua Lê phải gả công chúa Ngọc Hân cũng không khác gì việc vua Trần gả công chúa Huyền Trân, hay tệ hơn, gả công chúa An Tư cho Thoát Hoan. Những xáo trộn liên tiếp làm tan rã một miền Bắc vốn có kỷ cương, tuy suy vi nhưng vẫn còn giềng mối cũ.

Giọt nước làm tràn ly khi vua Lê phải xuất bôn và triều đình non trẻ của nhà Lê hoàn toàn không có một chút sức mạnh để kháng nào khi liên tiếp các thế lực chủ lực của miền Bắc đều tan rã. Việc truy sát gia đình vua Lê nảy sinh ra những âm mưu chính trị từ phía quan lại nhà Thanh khi Tôn Sĩ Nghị trực tiếp đối đầu với Tây Sơn và tái lập triều Lê mà không tổn hại nhiều.

Ngay khi đạt được thắng lợi quân sự, Tôn Sĩ Nghị lập tức yêu cầu vua Chiêu Thống vào vai một màn kịch mà ông ta biết rằng sẽ rất hợp ý vua Càn Long. Đó là yêu cầu vua Lê đích thân sang triều cận vào năm Canh Tuất.

### *Đầu chuyển tinh di*

Việc thất trận ngoài dự liệu khiến cho việc vua Lê sang Trung Hoa không thể thi hành được. Một kế hoạch mới tái động binh sẽ không đủ thời gian vì mất hàng năm - có khi hơn - trước khi có thể ẩy lại nước cho nhà Lê. Đó là chưa kể một cuộc chiến mới sẽ tốn phí rất nhiều về tài lực, vật lực, nhân lực mà các tỉnh phía tây nam không kham nổi. Và lại, một khi Tôn Sĩ Nghị đã bại trận rồi thì nguyên nhung mới sẽ không còn là ông ta nữa, có khác gì làm cỗ cho người khác xoi. Ngay trong giờ phút cam go này, Tôn Sĩ Nghị tính ngay đến việc thay thế vua Lê bằng một An Nam quốc vương mới. Tài liệu Trung Hoa và Việt Nam đều viết rất giản dị, cho rằng Nguyễn Huệ sợ tội nên cầu hòa. Nhà Thanh thì nói "*tam độ khát hàng*" (ba lần xin hàng), sử triều Nguyễn thì nói Nguyễn Huệ đem vàng bạc hậu hĩ hối lộ cho quan nhà Thanh xin cầu phong.



Cũng may, ở phía nước ta tài liệu giao thiệp với nhà Thanh còn khá nhiều những bản thảo qua lại của quan lại địa phương nên việc dựng lại tiến trình giảng hòa có thể tái dựng những điểm khúc mắc nhất.

Bộ sách quan trọng nhất mà chúng ta có được là những văn thư đầu tiên, chỉ mười ngày sau khi quân Thanh bại trận, cho thấy trong khi tình hình còn chưa ổn định, khói lửa ở thành Thăng Long chưa tắt hết thì Tôn Sĩ Nghị - qua ngôn từ của những tiểu quan lại ở Nam Quan đã mớm lời đề nghị một biện pháp giảng hoà và sẵn lòng làm trung gian để đạt lên vua Càn Long. Đó là bộ *Hịch dụ An Nam quốc trấn phủ* và sau đó là những thư từ chính thức mà các văn khố Trung Hoa và Việt Nam còn tàng trữ.

### ***Công nhận và sách phong***

Về giai đoạn này, một số văn thư và chi tiết còn ghi chép trong *Lịch triều tạp ký* (quyển VI), *Bang giao hảo thoại* và *Đại Việt quốc thư* nếu sắp xếp theo từng vụ việc thì hai bên giao thiệp thế nào sẽ trở nên hết sức rõ ràng. Tuy chỉ trong mấy tháng, tất cả những khúc mắc về việc nối lại bang giao đều minh bạch đánh tan những định kiến rằng phía Việt Nam thì chỉ toàn là những điều trá ngụy để đánh lừa nhà Thanh. Thời gian này, một vấn đề khá tế nhị là khi vua Càn Long sai Thành Lâm sang phong vương thì sắc ấn của Nguyễn Quang Hiến nhận được chưa về nước. Đây cũng là một trở trở vừa mang yếu tố tâm linh, vừa dựa trên thực tế lịch sử. Trước đây, đã có những lần vua nước Nam thay vì tự mình sang cầu phong [như yêu cầu] thì chỉ cử một người cùng họ sang thay và Trung Hoa đã phản ứng bằng cách phong vương cho chính người thay mặt đó rồi cho người đưa về nước. Việc làm lễ mà không có sắc ấn cũng gây ra những mối e ngại nên Nguyễn Huệ muốn rằng đợi khi sắc ấn về nước rồi sẽ làm lễ phong vương cũng chưa muộn. Chính sự hối thúc của quan lại nhà Thanh lại càng làm cho vấn đề thêm căng thẳng.

### ***Lên đường sang Trung Hoa***

Ngay khi vua Quang Trung chuẩn bị lên đường thì mẹ ông qua đời và ông phải về Phú Xuân chịu tang. Tuy mọi việc được thu xếp rất bí mật và chóng vánh, Nguyễn Huệ không cảm thấy yên tâm khi vội vã lên đường nên đã xin cho con là Nguyễn Quang Thùy đi thay nhưng không được chấp thuận. Những yếu tố khiến chuyến đi trở nên miễn cưỡng gây ra nhiều câu hỏi từ phía quần chúng, nhất là từ giới nho sĩ Bắc Hà vốn dĩ hay đồn thổi theo hướng tâm lý hoài Lê. Việc ông có tang không thấy sử sách nói tới nhưng qua những lần ông thoái thác yến tiệc trên đường lên Yên Kinh, lý do thường là vì đang thọ tang nên không dám vui chơi.

Những nhà nghiên cứu nghiêng về thuyết giả vương thường tìm kiếm những lý lẽ mang tính tiêu cực chẳng hạn sự không phù hợp giữa những gì người ta miêu tả về dung mạo Nguyễn Huệ và hình ảnh ông khi sang Trung Hoa. Những nghi vấn đều không đủ mạnh để đưa vào kết luận vì đều dựa theo tin đồn. Một chi tiết mà nhiều người coi như chúng có mạnh (concrete evidence) để cho rằng Nguyễn Huệ sang Trung Hoa là người giả

khi thư trạng quan Triều Tiên kể rằng Phan Huy Ích đã đưa mắt ngăn ông nói trong khi giao thiệp với sứ thần nước ngoài.<sup>1</sup>



### Vạn quốc lai triều đô (bộ phận)

Có lẽ cũng cần giải thích thêm một chút để chúng ta hiểu được việc tiếp đón khách ở triều đình như thế nào. Đối với nhà Thanh, mọi hoạt động đều được tiêu chuẩn hoá và những người tham dự chính là những mã số trên một lập trình. Yến tiệc không phải là một bữa ăn thường, ngay trong cùng một không gian, bàn ăn của vua khác bàn ăn của thân vương, sứ thần. Mỗi một món, mỗi một động tác đều đã được học tập theo tiêu chuẩn nghi lễ, không thoải mái như khi người ta họp mặt trong xã hội. Nếu hiểu như thế, việc trao đổi với sứ thần nước khác thường chỉ là bút đàm bên ngoài những sinh hoạt chính thức chứ không phải từ bàn này cầm chén rượu sang bàn kia mời nhau như trong phim ảnh.

Vả lại qui định nhà Thanh sứ thần ngoại phiên không được tự tiện giao thiệp với nhau nên những giao thiệp cá nhân hầu như không có. Sinh hoạt riêng tư và trao đổi thường chỉ

<sup>1</sup> Họ lại đem theo hơn mười người nhạc công chúc mừng vạn thọ quả là nịnh bợ không đâu cho hết. Tụng thần là thượng thư bộ Lại Phan Huy Ích, thượng thư bộ Công Hạo Trạch Hầu Vũ Huy Tấn hai người thân hình thấp bé, da dẻ khô sạm, răng thưa mà đen, những tông nhân khác cũng đều loắt choắt. Cứ xem như thế thì thấy Quang Bình là người nổi trội cũng phải. Hai người kia đi cũng vì giỏi văn từ, nhiều mưu mô nên mới phải đi đường xa vạn dặm hồ tông đến triều đình để phòng chuyện khó khăn, khi gấp gáp có chỗ nương tựa. Hai người đó bề ngoài không có gì đặc sắc, khi nói chuyện với sứ thần ta [Triều Tiên] thì rằng vua của họ là người áo vải đất Quảng Nam, không có nghĩa bầy tôi với họ Lê, lại nói rằng cung thất hiện nay vẫn để nguyên như cũ, khi về nước không thể không thay đổi các biển ngạch. Lại nói rằng lần này tiến cống một đôi hạc bằng vàng, một đôi kỳ lân bằng vàng, ngoài ra còn có sừng tê, nhục quế và nhiều thứ khác, khoe khoang nghe thật phát chán.

Mỗi khi vào hàng dự yến thì vua ngồi đằng trước, bầy tôi ngồi sau, nếu có được ban thưởng gì thì để ngay ở bên cạnh vua của họ. Vua của họ ngẫu nhiên hỏi sứ thần của ta rằng: “Nước Nhật Bản xa hay gần”. Sứ thần trả lời xong, vua kia muốn hỏi thêm thì bọn Huy Ích đưa mắt ngăn lại, ai thấy cũng sợ.

Nguyễn Duy Chính, *Phái đoàn Đại Việt và lễ Bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông*, (TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), 303-304.

là xoè tay để đối phương viết bằng ngón tay lên lòng bàn tay rồi theo nét bút mà đoán xem người ta muốn gì. Giao thiệp trực tiếp chỉ có thể, nếu có làm thơ để xướng họa thường phải viết lên giấy rồi gửi qua trung gian bộ Lễ. Những lần “chỉ chưởng đàm” như Phan Huy Ích miêu tả thì chỉ là những buổi sớm mai cùng nhau đứng đợi ngoài Ngọ Môn trước khi vua Càn Long lâm triều, trong thời khắc tranh tối tranh sáng trao đổi một vài vấn đề thường nhật. Xem tranh *Vạn quốc lai triều đồ* ta có thể hình dung ra được những lần sứ tiết có thể tiếp xúc với nhau.<sup>1</sup>



*Hoàng Thanh chúc cống đồ: An Nam*

Khi nghe tin một phái đoàn Việt Nam sang Trung Hoa được tiếp đãi rất đặc biệt, sứ thần Triều Tiên mới tìm hiểu về nước ta, xem lại những lần hai bên gặp gỡ. Những chi tiết mà sứ thần Triều Tiên ghi nhận chỉ lặp lại những gì đã ghi trong sách vở, điển hình là tài liệu về thuộc quốc của Trung Hoa thời Minh - Thanh hay các bộ tranh *Chúc cống đồ*, chẳng hạn người nước ta hay cầm quạt (để che đầu vì mình không có mũ), hình dáng bé nhỏ, răng đen, thích đi chân đất,... và nhiều chi tiết tiêu cực khác. Việc người mình “*nói chuyện bằng mắt, uống nước bằng mũi*” như trong sách vở Trung Hoa là những chi tiết phóng đại mặc dù người mình cũng hay đưa mắt thông tin ngầm với nhau.

<sup>1</sup> Trong *Loan dương lục* của thư trạng quan Triều Tiên còn chép một bài thơ của Phan Huy Ích họa thơ như sau: 居邦分界海東南，共向明堂遠駕駢。文獻夙徵吳道在，柔懷全仰帝恩覃。同風千古衣冠制，奇遇連朝指掌談。騷雅擬追馮李舊，交情勝似飲醇甘。

Phiên âm: Cư bang phân giới hải đông nam, Cộng hướng minh đường viễn giá tham. Văn hiến túc trung ngô đạo tại, Nhu hoài toàn ngưỡng đế ân đàm. Đồng phong thiên cổ y quan chế, Kỳ ngộ liên triều chỉ chưởng đàm. Tao nhã nghĩ truy Phùng Lý cựu, Giao tình thắng tự ẩm thuần cam.

Dịch nghĩa: Hai nước phân giới một ở phía đông biển một ở phía nam biển. Nơi xa xôi cùng đến chỗ minh đường [triều đình Trung Hoa]. Xem văn hiến biết rằng chúng ta đều có đạo lý. Cùng ngưỡng mộ ân điển của hoàng đế theo chính sách nhu hoài [mềm dẻo đối với phiên thuộc ở xa]. Áo mũ quan lại đều theo lối từ nghìn xưa. Cuộc kỳ ngộ cùng một triều **nói chuyện bằng cách viết chữ bằng ngón tay lên lòng bàn tay**. Đối với nhau tao nhã như họ Phùng gặp họ Lý khi trước. Giao tình còn hơn cả uống rượu ngọt.

Theo *Phan gia thế tự lục*, Phan Huy Ích khi về nước vì cần ở lại làm một số công tác nên qua Nam Quan sau vua Quang Trung mấy ngày. Chẳng may ông đi đến Cầu Dinh thì ngã ngựa, gãy chân nên phải về quê dưỡng thương. Nguyễn Huệ khi nghe tin đã nhắn ông yên tâm tĩnh dưỡng đến khi nào khỏi sẽ vào châu. Phan Huy Ích dưỡng bệnh đến hơn một năm và thời gian đó mọi việc ngoại giao do Ngô Thì Nhậm đảm trách.

Tuy chỉ là một chi tiết ít ai để ý, việc ông lưu lại quê nhà một thời gian đáng kể đã làm sáng tỏ vấn đề vua thật vua giả. Chi tiết này cũng bình thường không có gì đáng chú ý nếu không đặt vào tình trạng mà hiện nay người ta đặt ra:

Theo nguyên tắc, người đi sứ phải vào gặp nhà vua ngay khi về nước không có ngoại lệ. Sứ thần không được ghé vào một nơi nào khác, kể cả khi đi ngang qua nhà mình cũng không được ghé lại, ai không tuân theo đều bị tội. Qui định đó nhằm để các tin tức thu thập được khi đi sứ bên ngoài phải báo cáo lên triều đình mà không lộ ra ngoài dù với bất cứ lý do gì.

Việc Phan Huy Ích không vào châu đến hơn một năm không đúng luật nhưng cũng cho thấy Phan Huy Ích không cần phải gặp ngay vua Quang Trung khi chính Nguyễn Huệ là người cùng đi trong phái đoàn. Nếu Nguyễn Huệ không có mặt, Phan Huy Ích trong vai trò chánh sứ phái đoàn tạ ân phải vào gặp ông vua thật để tâu trình ngay lập tức. Chi tiết này rất vô tình và cũng sẽ không ai để ý nếu như không nảy sinh ra tranh cãi chân vương, giả vương.

Giao thiệp với Trung Hoa đã nảy sinh nhiều động thái vượt qua những đối đãi bình thường trong lịch sử, đưa hai bên vào một tầm cao mới, không thể coi như những đòi hỏi bình thường. Điều đó khiến người nghiên cứu phải đánh giá sự việc theo những hướng nhìn mới.

### ***Khai quan thông thị***

Khi nhà Thanh gây hấn với Miến Điện, giận cá chém thớt, vua Càn Long ra lệnh cho đóng tất cả các thông quan biên giới vùng tây nam mà hai quốc gia bị hậu quả trực tiếp về mậu dịch này là Miến Điện và nước ta. Việc giao thương ngưng trệ khiến nhiều mặt hàng mà An Nam mua của Trung Hoa bị gián đoạn và chỉ một số ít hàng tiểu ngạch được vận chuyển bất hợp pháp qua biên giới khiến cho dân chúng hai bên bị thiệt hại không nhỏ về kinh tế.

Ngay khi được chấp thuận tái bang giao, việc đầu tiên nước ta yêu cầu là xin mở lại các cửa ải để hai bên được qua lại như cũ. Vua Càn Long chấp thuận và ra lệnh cho Phúc Khang An soạn thảo những điều lệ (16 điều) về việc thông thương. Ba khu vực được xây dựng ở gần biên giới làm nơi trao đổi hàng hoá:

- Chợ Mực Mã do thương nhân đi theo cửa Thủy Khẩu.
- Chợ Hoa Sơn do thương nhân đi theo cửa Bình Nhi.

- Chợ Kỳ Lừa do thương nhân đi theo ải Do Thôn.

Các điều lệ này tương tự như chi tiết trong việc giao thương với Triều Tiên, có thể coi như một trong những hiệp ước thương mại sớm sủa nhất mà nhà Thanh ký kết với nước ngoài.

Sau chuyến đi, để khai thác những ưu đãi vừa có được, triều đình Tây Sơn đã gấp rút tiến hành một số đề nghị. Tất cả những dự tính này đều còn chép trong *Bang giao hảo thoại* nên có lẽ Ngô Thì Nhậm là người - nếu không phải là chủ chốt thì cũng được vua Quang Trung giao cho nhiệm vụ thực hiện. Vua Càn Long có biết hay không chúng ta chưa thể khẳng định nhưng Phúc Khang An hẳn đã thông báo lên triều đình nhưng tại địa phương thì chỉ dùng lý lẽ bác khước, làm như chỉ mới là công việc nội bộ. Tuy nhiên những yêu cầu này [còn chép trong *Bang giao hảo thoại* của Ngô Thì Nhậm] đã cho thấy việc vua Quang Trung sang Trung Hoa là một thành tựu ngoại giao nên sau đó triều đình An Nam đã khai triển nhưng chưa thành công. Những đòi hỏi này cũng giúp làm sáng tỏ vấn đề vua thật vua giả.

### *Đổi cống kỳ*

Triều đình An Nam xin đổi cống kỳ nhằm nâng cấp quan hệ ngoại giao lên hàng quốc gia hạng 2. Theo những qui tắc bất thành văn của Trung Hoa, trong thứ tự xếp hạng các phiên thuộc thì Triều Tiên đứng đầu, thứ đến là Lưu Cầu rồi mới đến An Nam, Xiêm La, Nam Chuông, Miến Điện,... Đòi Quang Trung, phái đoàn nước ta chỉ đứng sau Triều Tiên (vua Quang Trung đứng bên hàng thân - quận vương). Nhân dịp này, vua Quang Trung đã xin đổi cống kỳ và sau khi đình nghị, nhà Thanh đã thay đổi từ ba năm lên hai năm một lần. Tuy hai năm vẫn còn đứng sau Triều Tiên nhưng sự thay đổi đó cũng đã xác định vị thế thứ hai sau Triều Tiên và đứng trên Miến Điện, Xiêm La,...

### *Câu hôn*

Theo những lá thư qua lại giữa Phúc Khang An và Ngô Thì Nhậm thì Nguyễn Huệ muốn ra sức ở phương nam để tương đồng với các thân vương Mông Cổ trấn giữ mặt bắc. Nguyên nhà Thanh ngoài lực lượng chính là kỳ binh Mãn Châu, họ còn bắt kỳ Mông Cổ là quân đội dùng người các bộ lạc du mục vốn dĩ rất thiện chiến (tức quân Nguyên ngày xưa). Để củng cố sự liên minh với những người có cùng nguồn gốc (Mãn Thanh cũng là người Thát Đát, tức Tartars), nhà Thanh tiếp tục tiến hành chính sách liên nhân (liên kết bằng hôn nhân) với các bộ tộc Mông Cổ. Những vị vương đó được ban ấn vàng và thường kết hôn với dòng họ Giác La nên có thể coi là thân thích của hoàng gia. Họ cũng được đối xử biệt lập và dưới quyền quản trị của Lý Phiên Viện, mỗi năm vào triều kiến một lần tại Tị Thử sơn trang và sinh hoạt theo những tập tục Mông Cổ. Nguyễn Huệ xin được lấy một người trong hoàng tộc Mãn Châu và tình nguyện ra sức tôi con ở phương nam cũng là một quyết sách giúp ông khống chế khu vực Đông Nam Á. Nếu được chấp thuận, nước ta sẽ nhận được ấn bằng vàng giống như Mông Cổ và Triều Tiên.

Nguyên trước đây, khi trong tờ biểu Nguyễn Huệ có viết ông coi vua Càn Long như thầy như cha thì vua Càn Long đáp lại rằng lẽ nào ông không coi Nguyễn Huệ như con. Khi Nguyễn Huệ qua đời, vua Càn Long viết những lời rất thấm thiết nhắn nhủ Nguyễn Quang Toàn và coi vua Cảnh Thịnh như cháu nội. Khi về nước Nguyễn Huệ muốn nhân dịp này hợp thức hóa lời phát biểu đó nên đã cầu hôn một công chúa nhà Thanh. Dù việc không thành, vua Càn Long vẫn đối đãi với Nguyễn Huệ như một người con ở xa và mỗi khi có ban thưởng cho các thân vương thì bao giờ Nguyễn Huệ cũng được một phần do ngựa trạm chuyển xuống Nam Quan rồi đưa về Thăng Long. Trong suốt đời Tây Sơn, mỗi khi có việc lớn, nhà Tây Sơn đều gửi một người trong họ Nguyễn Quang (Nguyễn Quang Hiến, Nguyễn Quang Triệu, Nguyễn Quang Dự,...) sang Bắc Kinh như một khẳng định thân tộc. Câu chuyện cầu hôn này không đi đến đâu và trên thực tế lịch sử thì cũng chưa tâu lên vua Càn Long nhưng trong tài liệu nước ta (*Bang giao hảo thời*) còn tờ biểu cầu hôn và những tranh luận giữa Ngô Thì Nhậm và Phúc Khang An nên chúng ta biết chắc là có thực. Cũng từ việc này mà người ngoài phao đồn những tin giả về việc vua Quang Trung muốn gây hấn để đòi đất của Trung Hoa mà thực ra hai việc là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau.

### ***Đòi đất biên giới***

Cũng nhân ưu đãi mới, vua Quang Trung đã viết thư xin vua Càn Long trả lại một số châu động dọc biên giới bị lấn chiếm từ đời Lê Mạc. Đòi hỏi này đã bị bẻ cong thành đòi đất Lương Quảng như một thách thức gây hấn của Tây Sơn. Thực ra, Nguyễn Huệ chỉ muốn xin vua Càn Long lập lại một tiền lệ đời Ung Chính (trả lại cho nước ta 40 dặm nhưng trên danh nghĩa “ban” cho An Nam vì dù là nội địa hay thuộc phiên thì cũng là con đò của trăm không khác gì). Nếu việc này được đệ lên, vua Càn Long chỉ lập lại một tiền lệ mà cha ông đã vạch sẵn.

Những quyết sách ngoại giao táo bạo căn cứ trên vị thế mới đạt được đã bị Phúc Khang An ngáng trở. Nguyễn Huệ không bỏ cuộc nên lấy cớ báo tiếp gửi phái đoàn Vũ Vinh Thành (Văn Dũng) sang Bắc Kinh trực tiếp tâu xin về các vấn đề này. Việc chưa đi đến đâu thì có tin vua Quang Trung qua đời. Cái chết của Nguyễn Huệ khiến mọi việc đều trở thành hư ảo ngoài một thành tựu nhỏ là nhà Thanh bằng lòng đổi cống kỳ cho An Nam từ ba năm lên hai năm. Hai yêu cầu còn lại bị xuyên tạc thành những hành vi “*Dạ Lang tự đại*” và hậu nhân cũng không còn nhìn như vấn đề nguyên thủy mà gán cho triều Tây Sơn những tham vọng thách đố, gây sự với nhà Thanh.

### **Kết luận**

Cách đây gần 55 năm (1961), trên bán nguyệt san *Phổ Thông* (Sài Gòn) số 62 (năm thứ IV) ngày 1.8.1961 đã nảy sinh ra một vụ án văn sử mà đến nay nhiều người còn biết đến.

Trong số báo này, tác giả Nguyễn Thượng Khánh đã gửi đăng một nghiên cứu có tựa đề gây chấn động “Vua Quang Trung chết vì một liều thuốc độc của Ngọc-Hân Công-Chúa”.<sup>1</sup>

Theo tác giả thì ông dòng dõi hoàng tử Lê Duy Mật, anh ruột công chúa Ngọc Hân và ông nội ông (con của Lê Duy Mật) trong một ngày kỵ của dòng họ đã thuật lại lời kể của ông nội ông thì chính Ngọc Hân là người hạ độc giết vua Quang Trung.

(bắt đầu trích)

... Nhưng các con có biết vua Quang-Trung tại sao mà chết không?

Vua Quang-Trung KHÔNG CHẾT VÌ BẠO BỆNH như trong Sử nói, mà CHẾT vì bị ám hại.

Người giết Vua Quang-Trung không phải là ai xa lạ cả!

Say sưa với chiến thắng này, qua chiến thắng khác, Vua QUANG TRUNG đã được Vua Càn Long phong làm An Nam Quốc Vương, thay nhà Lê để cai trị nước Việt. Danh chánh ngôn thuận như vậy, nhưng thâm tâm Vua Quang-Trung vẫn muốn mở mang bờ cõi nước Việt cho sang đến Quảng-Đông, Quảng-Tây mới nghe.

Nên Vương sai Ngô-thời-Nhiệm thảo sớ sang Bắc-kinh cầu hôn với Công chúa con Vua Càn-Long. Và trong sớ cũng không quên nhắc nhở đến lưỡng Quảng là đất của nước Việt Nam xưa. Vậy nếu Thiên-triều có gả Công chúa, thì xin cho hai tỉnh Quảng-Đông – Quảng-Tây làm của hồi môn.

Lúc dâng sớ cầu hôn, đòi hai tỉnh là thâm tâm Vua Quang-Trung chỉ mong Vua Càn-Long từ chối, mới có dịp cho là nhục quốc thể mà cử binh sang đánh Trung-Hoa. Nào ngờ - Con cáo già Càn-Long là một ông vua thức thời vụ, thấy Nguyễn Huệ đa mưu túc trí, dụng binh như thần. Và lại cái thảm bại của 20 vạn quân do Tôn-sĩ-Nghị rước lấy cách đây không lâu, Vua Càn-Long đâu có quên, nên không muốn gây hấn với Vua Quang-Trung, và lúc ấy Trung-hoa đang bị đảng “Hung Hán giết Mãn” đe dọa đến ngôi cửu ngũ của Vua Càn-Long, nên thấy sớ cầu hôn thì chấp thuận liền, và hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây là biên thùy Trung-Quốc xa xôi thiếu kiểm soát. Vua Càn-Long thấy cho Công chúa làm của Hồi môn cũng không có gì là thiệt hại cả. Nên vua Càn-Long mở yến hoan đãi Sứ-bộ Việt-Nam. Và chấp thuận tất cả mọi chuyện. Liền đó Vua Càn-Long dục Sứ bộ về nước để tính chuyện nghênh hôn.

<sup>1</sup> Tranh luận liên tục từ các số 62 (1/8/1961), 63 (15/8/1961), 64 (1/9/1961), 65 (15/9/1961), 66 (1/10/1961), 67 (15/10/1961), 68 (1/11/1961), 69 (15/11/1961), 70 (1/12/1961), 73 (15/1/1962). Loạt bài đã bị nhiều nhà nghiên cứu phi bác, đáng kể nhất là loạt bài của các ông: Nguyễn Văn Minh, Võ Thành Sơn, Thiện Sinh, Nguyễn Lê Thọ (bút hiệu Lâm Hoài Nam, quận trưởng Quế Sơn) và nhiều con cháu nhà Lê bị triều Nguyễn đưa từ Bắc vào Nam sau vụ án Lê Duy Hoán. Vì nội dung cuộc tranh luận này không liên quan nhiều đến bài viết nên chúng tôi chỉ giới thiệu luận đề của ông Nguyễn Thượng Khánh mà không đi sâu vào những phản bác khiến tác giả phải nhận là mình sai lầm.

Muốn cho tình giao hảo hai nước được lâu dài, Vua Càn-Long còn tính một mặt cứ cho đem Công chúa lên đường sang Việt-Nam, và một mặt Vua Quang-Trung phải thân ra biên ải để đón rước. Và lễ động phòng hoa chúc sẽ lập ra ở tại chỗ mà hai bên gặp nhau.

Sứ bộ Việt-Nam trên đường về nước, liền cho người cầm hoả tốc bài phi ngựa về Phú-Xuân báo cáo mọi tình hình.

Tin mừng về đến Phú-Xuân thì ngay sau đó, Vua Quang-Trung bị ám hại. NGƯỜI GIẾT VUA QUANG-TRUNG LÀ CÔ RUỘT CỦA TA, là NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA”.

Chúng tôi tất cả đều ngạc nhiên quá sức tưởng tượng. Rồi không đợi cho chúng tôi hết ngạc nhiên, Ông tôi kể tiếp: “Các con ngạc nhiên là phải lắm, nhưng sự thực người giết vua Quang-Trung chính thực là Công chúa Ngọc-Hân.

Ngọc-Hân đang sống trong điện ngọc lầu vàng, nơi kinh đô Thăng-Long, Công-chúa mới vừa 16 tuổi đã phải lìa xa hoàng phủ và hoàng mẫu, để về làm vợ của Nguyễn-Huệ.

Mười sáu tuổi xuân buộc mình trong cung cấm, Ngọc-Hân Công-Chúa đâu có ngờ vua cha gả một cách đột ngột như thế. Mà cuộc HÔN PHỐI NGOẠI GIAO với Nguyễn-Huệ đâu có phải là một cuộc hôn phối như ý muốn của Công-Chúa. Đã không phải là một cuộc hôn phối tốt đẹp, lẽ tất nhiên có một sự oán hờn bên trong.

Vì vận nước, vì chữ hiếu, Ngọc-Hân Công-chúa về làm vợ Vua Quang-Trung không phải là một việc đắc ý, như các Sử gia chép.

Lúc bái biệt Vua Lê về Phú-Xuân với Nguyễn-Huệ, Công-chúa đã có bài thơ tự oán như sau đây:

(Bài thơ của CÔNG CHÚA NGỌC HÂN làm khi bái biệt Vua Lê về Phú-xuân với Nguyễn-Huệ).

Giã biệt Thăng-Long, tới Phú-Xuân,

Riêng mang sâu hận, phận Thoa-quần.

Cương thường hoàng nặng hai vai trĩu,

Tình nghĩa lơ là một cán cân.

Duyên kiếp được trong nhờ bến nước,

Hôn nhân may rủi gởi cầm phân.

Hóa công sao khéo đa đoan nhỉ,

Thuở trước Huyền-Trân, nay Ngọc-Hân.<sup>1</sup>

Đó phải chăng tâm sự của Người oán hờn thốt ra ở nơi bài thơ lúc bái biệt Vua Hiến-Tôn?

<sup>1</sup> Bài thơ này trong gia phả Nguyễn-Lê của chúng tôi có chép.



Công chúa đâu có ngờ. Nàng phải vâng lệnh vua cha kết duyên cùng Nguyễn-Huệ là một người nàng không bao giờ ước mơ trong mộng. Cho nên ta có thể nói rằng: Nếu không vì chữ hiếu thì Ngọc-Hân đã có thể chết được khi nàng được tin phải làm vợ của một tướng Tây-Son.

Thế nhưng, bao năm tháng gần gũi với Nguyễn-Huệ, tình thù hình như đã biến đổi thành tình thương. Nàng kính mến Nguyễn-Huệ hơn trước kia, nhất là từ khi nàng có 2 con với chồng. Ở giai đoạn sau, đến giai đoạn này thì đời Công chúa Ngọc-Hân đã gắn liền với thân thế Nguyễn-Huệ. Nàng kính mến và yêu quý chồng đến nỗi lúc Nguyễn-Huệ tiến quân ra Bắc lần thứ nhì: Bắt giết Chính, Vua Lê-chiêu-Thống phải bỏ kinh đô mà chạy lên miền Bắc. Nguyễn-Huệ sai tướng sĩ chia nhau cai trị Bắc Hà, mà Công chúa cũng đứng đưng không một mảy may phản ứng.

Yêu quý kính mến Nguyễn-Huệ đến nỗi cuộc tiến quân ra Bắc tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, vua Lê-chiêu-Thống phải bỏ hết cả cơ nghiệp nhà Lê, theo gót Tôn-sĩ-Nghị sang Tàu luôn. Tôn miếu xã tắc nhà Lê bị giày xéo chà đạp đến như thế, mà Công chúa cũng vẫn không tức giận là vì Công chúa đã quá yêu chồng, thương con rồi, nàng đâu có thiết gì đến sự nghiệp của nhà Lê nữa.

Lúc bấy giờ hai đám nghĩa quân của nhà Lê có tìm cách liên lạc được với Công chúa. Một thiếu nữ cũng giòng dõi công thần của nhà Lê, mà thừa nhỏ đã được vào hoàng cung học và chơi với Công chúa, vâng lệnh vào Phú-Xuân tìm Công chúa để trước là dò la tin tức và tình hình nội bộ của Tây-Son.

Sau là tìm cách giết Nguyễn-Huệ bằng một thứ thuốc độc rất mạnh do đám nghĩa quân miền Bắc chế ra theo môn gia truyền của dân Thượng-du. Thứ rượu độc này nếu gieo vào rượu chừng vài ba giọt, màu sắc và hương vị của rượu không có chút gì thay đổi. Nhưng uống trôi qua cổ họng, là người bị đầu độc cảm thấy bản thân khó chịu rồi tắt thở luôn.

Gặp Công chúa, thiếu nữ trình bày mọi lẽ, nào là Tôn miếu xã tắc nhà Lê bị Nguyễn-Huệ giày xéo chà đạp. Nào Tôn-thất hoàng-tộc nhà Lê bị Nguyễn-Huệ thẳng tay tàn sát. Nào ngại vàng sự nghiệp của Nhà Lê bị Nguyễn-Huệ cướp. Tất cả mọi biến cố trên đều do Nguyễn-Huệ gây ra. Nàng yêu cầu Công chúa hãy hy sinh một chút tình nghĩa mà cứu lấy cơ nghiệp Nhà Lê.

Ngọc-Hân nghe kể tự sự, bằng lòng nhận lãnh món độc được và hẹn sẽ thi hành sứ mệnh, và cho thiếu nữ của đám nghĩa quân về Bắc.

Nhưng Công-chúa đã không làm gì cả. Nàng đã tôn kính Nguyễn-Huệ như một vị anh hùng, không nỡ giết.

Không dè tình thế lịch sử lại xui khiến Ngọc-Hân sẵn món thuốc độc kia mà ám hại chồng.

Sứ bộ Việt-Nam trên con đường về nước đã cho liên-lạc viên cầm hỏa tốc bài, cưỡi ngựa phi-tinh, chẳng quản ngày đêm về Phú-Xuân báo tiếp trước cho Vua Quang-Trung biết là Vua Càn-Long đã chấp thuận tất cả, và Sứ-bộ khi về đến biên cương sẽ xin ở lại: Sửa sang Quán dịch để tiếp đón Công-chúa của vua Càn-Long, và Hoàng-Đế Quang-Trung. Lễ giao-bôi hiệp cần sẽ cử hành tại Ái Nam-quan.

Tin mừng đó đến với Nguyễn-Huệ. Tất cả triều đình đều hoan hỷ. Vua Quang-Trung rất vui vẻ hơn hẳn với cái mộng thu hồi lương Quảng, và được làm rể vua Tàu.

Ngọc-Hân biết được tin ấy. Ngọc-Hân không vui mừng. Nàng thần thờ như kẻ mất trí, vì quá ghen với Công-chúa Trung-quốc sắp được rước về làm Hoàng-hậu.

Con gái vua Càn-Long sẽ cướp mất ngôi hoàng-hậu của Ngọc-Hân.

Nguyễn-Huệ lấy Ngọc-Hân làm vợ chỉ vì muốn lấy lòng vua Lê và toan tính cướp ngôi nhà Lê, bấy giờ nhà Lê không còn nữa, Nguyễn Huệ lại muốn kết duyên với con gái vua Càn Long để lợi cho Quốc sách của chàng. Cho nên chàng có thể bỏ bê hồ hững Ngọc Hân để chiều ý của Hoàng hậu mới của Trung Quốc. Ngọc Hân không ghìem được lòng ghen hờn. Trong một lúc uất hận và cuồng trí, Ngọc Hân đã nhất định giết chết Nguyễn-Huệ, để trả thù cho mối tình của Ngọc Hân sắp tan vỡ và trả thù cho nhà Lê.

Quang-Trung tiến vào hậu cung dùng cơm. Nhà vua vui mừng quá, không thấy có sự gì thay đổi nét mặt của Ngọc Hân. Vương hân hoan bưng chén rượu lên môi, và uống cạn một hơi, không hề Ngọc Hân đã bỏ thuốc độc trong đó. Liên sau đó, Quang-Trung thấy khó chịu, bỏ dở bữa cơm, tiến lại ngã lưng trên long-sàng và dẫy-dụa một lúc, rồi tắt thở luôn.

Tin Vương bị băng hà đột ngột, quần thần Tây Sơn đều cho là Vua chết vì chứng “Thuởng mã phong” chứ không ai ngờ là bị chết vì thuốc độc cả.

Ông tôi kể đến đây thì người gắp cuốn gia-phả lại, kinh cần đứng lên hướng vào bàn thờ Nguyễn - Lê Phái và lâm râm khấn vái to nhỏ. Sau đó, người quay ra truyền cho con cháu lui khỏi nhà Thờ. Khi chúng tôi ra hết, thì ông tôi khép cánh cửa nhà Thờ họ Nguyễn-Lê lại và ở luôn trong đó không thiết ăn uống gì nữa. Thế rồi mấy hôm sau Ông nội tôi mất.

Trải qua mấy độ thăng trầm, thầy tôi và các chú tôi đã chết. Cuốn gia-phả họ Nguyễn-Lê chúng tôi cũng không còn nữa!

Đêm nay, dưới ngọn đèn 60 nến, trên căn gác trọ tôi tàn, lọt vào giữa Đô thành đầy ánh sáng của miền Nam, tôi mê say viết lên đây một sử liệu mà từ xưa tới nay không ai biết. Để các sử gia đương thời tham khảo về cái chết của vua Quang-Trung do Ngọc-Hân Công chúa, trong một phút hờn ghen gây nên.

... Đêm nay, con xin đốt nén hương lòng, tạ tội cùng tổ tiên họ nhà Lê, xin tiên nhân hãy tha tội cho con. Vì con không thể nào giữ bí mật sử-liệu này nữa. Con muốn để nhân dân chép Sử cho đúng, mặc dù con biết làm thế là đắc tội với tiên nhân.

(hết trích)

Nhìn lại câu chuyện này, chúng ta thấy những chi tiết liên quan phần lớn là tài liệu ghi trong sử triều Nguyễn. Tác giả có thêm bớt một số truyền ngôn trên báo chí thời tiền chiến về việc cầu hôn như việc vua Càn Long chấp thuận và ban cho một tỉnh làm của hồi

môn, việc giao bôi hợp cần ở Nam quan mà người ta nói rằng trích từ gia phả của họ Vũ [Văn Dũng] tức Vũ Vĩnh Thành, là chánh sứ sau cùng đời Quang Trung. Những tin tức sai lầm ấy không phải mới, nay được dùng làm hậu cảnh cho nghi án Ngọc Hân công chúa giết chồng.

Nếu như câu chuyện này xuất hiện trong bối cảnh thông tin chưa rộng rãi, báo chí chưa phổ biến và con người cũng chưa có những điều kiện để nhất định đi tìm lại sự thật thì nếu được ghi trong di văn của một gia tộc sẽ ảnh hưởng đến dư luận sử học như thế nào?

Sở dĩ chúng tôi dùng việc tranh luận này thay cho kết luận vì ngay cả giữa thế kỷ XX vẫn có những lưu truyền không đúng sự thực mặc dù tác giả khẳng định là người liên hệ trực tiếp đến nhà Lê. Nếu câu chuyện này xuất hiện vào một thời điểm sớm hơn thì biết đâu lại không trở thành một nghi án lịch sử được tô vẽ thành một vụ đại án chứ không mất tăm như một hòn sỏi rơi xuống nước.

Tuy nhiên, ở thập niên 1960s, miền nam đã có một hệ thống thông tin khá phong phú, báo chí đa dạng nên câu chuyện không chìm vào dư luận như trước đây vài mươi năm mà nổi lên những phản bác mãnh liệt từ giới nghiên cứu cũng như từ chính hậu duệ của họ Lê với nhiều chứng cứ đầu tay mà người ta còn giữ được. Cuộc tranh luận kết thúc khi chi phái Lê Duy ở Quảng Nam đã mời ông Nguyễn Thượng Khánh ra Đại Lộc, Vĩnh Điện, Ái Nghĩa để kiểm chứng và trao đổi vào đầu tháng 11.1961, và chứng minh rằng nghi án mà ông Khánh đưa ra không phù hợp với các tài liệu mà họ Lê Duy còn lưu giữ.

Nói tóm lại, lịch sử triều đại Tây Sơn chỉ là một mắt xích trong lịch sử triều đại Việt Nam mà quan trọng nhất là vị thế chung trong khu vực. Trong suốt lịch sử, nước ta không bao giờ được hoàn toàn độc lập mà luôn luôn nằm trong một quỹ đạo lớn hơn, là một hành tinh quay chung quanh nước lớn là Trung Hoa. Những tương tác giữa hai bên tùy thời kỳ, từng hoàn cảnh mà thay đổi nhưng không bao giờ chấm dứt.

Đặt lại vấn đề trong bối cảnh toàn cục, chúng ta sẽ thấy lịch sử đời Tây Sơn không có gì là không minh bạch vì khi kết nối những tài liệu tiên nguyên trong và ngoài nước thì mọi việc sẽ “thiên y vô phùng”, liên tục và hợp với thể chế qui định chứ không phải là một hiện tượng xuất hiện rồi biến mất. Việc phái đoàn Quang Trung sang Bắc Kinh chỉ là một trong nhiều mắt xích lớn nhưng vì triều đại Tây Sơn quá ngắn ngủi nên những thành tựu ngoại giao đó bị gián đoạn. Để xoá bỏ những thành tựu mà bình thường nước ta không thể đạt được, triều Nguyễn đã vẽ ra những việc không có thật để giải thích lịch sử theo những gì họ muốn nhưng cũng chính thái độ đó đã giúp cho nhà Thanh có cơ hội cắt đứt tất cả những liên hệ ngoại giao mới xây dựng với triều Tây Sơn để đưa nước ta trở lại như giao thiệp Việt - Thanh thời Lê-Trịnh.

Ở phía Trung Hoa, cái dư hưởng lịch sử trong giai đoạn ngắn ngủi này không phải chỉ loé lên rồi chìm xuống như ta tưởng. Theo đánh giá phái đoàn Quang Trung như một thắng lợi ngoại giao vô tiền khoáng hậu, vua Càn Long muốn tái hiện khung cảnh “*van*

*quốc lai triều*” khi phái đoàn Anh Macartney sang Bắc Kinh để tìm cách mở cánh cửa thông thương. Cho đến nay, người Tây phương vẫn coi sự thất bại của vận động mở cửa này là do *va chạm văn hóa* (clash of civilisations) nhưng sự thật vua Càn Long chỉ muốn nước Anh xỏ chân vào đôi giày mà nước ta đã đi. Tuy không đạt được mục tiêu đề ra nhưng qua chuyến đi này, Tây phương đã có dịp đánh giá lại toàn bộ sức mạnh của đế quốc Trung Hoa và đó là những chuẩn bị tinh thần cho xung đột kế tiếp.

Chuyến đi của vua Quang Trung không phải là một màn kịch vụng về như người ta tưởng mà là nhát búa làm nứt tảng đá “*bế quan tỏa cảng*” Trung Hoa đã xây dựng hàng ngàn năm, mở đầu cho thời kỳ “*bách niên quốc sử*”. Đây là một luận đề lớn của Trung Hoa với bên ngoài đến nay vẫn còn là một bí ẩn chưa giải thích. Chúng tôi sẽ đi sâu vào đề tài này trong nghiên cứu sẽ xuất bản một ngày gần đây.

### Tài liệu tham khảo

- Đại Việt quốc thư* (2016). Tập IV. Bản dịch Nguyễn Duy Chính. TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ.
- Hoàng Xuân Hãn (1971 - 1973). “Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập *Lữ trung ngâm*”.  
*Tập san Sử Địa*.
- Lịch triều tạp ký*. Quyển 6. Bản dịch Nguyễn Duy Chính. Chưa xuất bản.
- Literary Migrations: Traditional Chinese Fiction in Asia (17<sup>th</sup> - 20<sup>th</sup> centuries)* (2013). Singapore: Institute of Southeast Asian Studies (reprinted from 1987 edition).
- Nguyễn Duy Chính (2016). *Núi xanh nay vẫn đó*. TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ.
- Nguyễn Duy Chính (2016). *Phái đoàn Đại Việt và lễ Bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông*, TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ.
- Nguyễn Duy Chính. *Cung ứng phái đoàn Tây Sơn*. Biên khảo. Chưa xuất bản.
- Nguyễn Duy Chính. *Thư qua lại trên đường Nam Quan - Bắc Kinh của phái đoàn Tây Sơn*. Biên khảo. Chưa xuất bản.
- Nguyễn Thượng Khánh (1961). “Vua Quang Trung chết vì một liều thuốc độc của Ngọc-Hân Công-Chúa”. *Phổ Thông*. Số 62 (năm thứ IV), ngày 1.8.1961.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Bản dịch Viện Sử học. Hà Nội: Giáo Dục.
- William L. Langer (1972). *The New Illustrated Encyclopedia of World History*.
- 劉春銀, 王小盾, 陳義 (2002). 越南漢喃文獻目錄提要, 臺北: 中央研究院中國文哲研究所.
- 成思佳 (2025). 重塑与遗忘: 越南西山朝阮文惠入华朝覲“假王说”考论. 《史林》2025年第3期. 注释从略. 郑州大学马克思主义学院. 越南研究所副教授. <https://mp.weixin.qq.com/s/bNiNL2c3FxsHUFgILj9DAg>
- 朱诚如 (2002). 清史图典. 清朝通史图录, 12卷. 北京: 紫禁城出版社.